

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Giáo Trình Trung Bộ Kinh – Majjhima Nikāya

Bài học ngày 16.6.2020

5. Kinh Không Uế Nhiễm (Anaṅgaṇa Sutta)

Tên kinh được gọi là Kinh Không Uế Nhiễm nội dung đề cập tới bốn hạng người dựa trên sự uế nhiễm và không uế nhiễm. Trong pháp thoại ngắn dành cho chư tỳ kheo, Tôn giả Sāriputta nói về hai hạng người uế nhiễm và hai hạng người không uế nhiễm. Trong bốn hạng người đó thì có hai hạng người ưu thắng hai hạng hạ liệt. Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahāmoggallāna là hai bậc thượng thủ tinh văn đệ tử Phật. Tôn giả Sāriputta được Đức Phật xác nhận là bậc đệ nhất trí tuệ trong hàng đệ tử trong Tôn giả Mahāmoggallāna là bậc đệ nhất thần thông. Hai ngài là hai vị giáo thọ thường đi theo Đức Phật để hướng dẫn tu học cho hàng tỳ kheo. Tôn giả Sāriputta thường hướng dẫn về pháp học và khai tâm cho những người mới đến với Phật pháp trong lúc ngài Mahāmoggallāna thường hướng dẫn về pháp hành cho những người muốn đi xa trong sự thực hành thiền định. Trong bài kinh này Tôn giả Mahāmoggallāna với những câu hỏi tiếp theo trong hình thức vấn đáp để Tôn giả Sāriputta khai triển rộng rãi ý nghĩa của đề tài.

021. Biết hay không biết về bản thân là một điểm quan trọng

Nói về đề tài uế nhiễm Tôn giả Sāriputta nêu lên bốn hạng người:

- A. Bản thân uế nhiễm, không tự biết mình uế nhiễm.
- B. Bản thân uế nhiễm, tự biết mình uế nhiễm.
- C. Bản thân không uế nhiễm, không tự biết mình không uế nhiễm.
- D. Bản thân không uế nhiễm, tự biết mình uế nhiễm.



Kinh Văn

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sāvattthī (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở tại đây, Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) gọi các Tỷ-kheo. "Chư Hiền Tỷ-kheo". --"Thưa Hiền giả", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

-- Này chư Hiền, ở đời có bốn hạng người. Thế nào là bốn? Chư Hiền, ở đây, có hạng người có cấu ứ, nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu ứ". Lại nữa chư Hiền, ở đây, có hạng người có cấu ứ, và như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu ứ". Lại nữa chư Hiền, ở đây có hạng người không có cấu ứ, nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu ứ". Lại nữa, chư Hiền, ở đây, có hạng người không có cấu ứ và như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu ứ".

Chư Hiền, ở đây, hạng người có cấu ứ nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu ứ". Trong hai hạng người có cấu ứ, hạng người này vì vậy được gọi là hạng người hạ liệt. Chư Hiền, ở đây, hạng người có cấu ứ và như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu ứ". Trong hai hạng người có cấu ứ, hạng người này vì vậy được gọi là hạng người ưu thắng.

Chư Hiền, ở đây, có hạng người không có cấu ứ nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu ứ". Trong hai hạng người không có cấu ứ, hạng người này vì vậy được gọi là hạng người hạ liệt. Chư Hiền, ở đây, hạng người không có cấu ứ và như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu ứ". Trong hai hạng người không có cấu ứ, hạng người này vì vậy được gọi là hạng người ưu thắng.

022. Sự lượng định của bậc trí không chỉ nằm ở hiện trạng mà còn hướng đi tương lai.

Không tự biết bản thân là dấu hiệu của tuột dốc. Ngược lại biết tự quán sát và nhận diện bản thân là dấu hiệu hướng thượng.



Kinh Văn

Được nói như vậy, Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên) nói với Tôn giả Sāriputta như sau:

-- Tôn giả Sāriputta, do nhân gì, do duyên gì, trong hai hạng người có cấu uế này, một hạng người được gọi là hạ liệt, một hạng người được gọi là ưu thắng? Tôn giả Sāriputta, do nhân gì, do duyên gì trong hai hạng người không có cấu uế này, một hạng người được gọi là hạ liệt, một hạng người được gọi là ưu thắng?

-- Ở đây, Hiền giả, hạng người có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế". Với người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ không khởi lên ước muốn, sẽ không cố gắng, sẽ không tinh tấn để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ từ trần, trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cấu uế, trong khi tâm còn ô nhiễm". Nay Hiền giả, giống như một cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, phủ đầy bụi bặm, và người chủ cái bát ấy không dùng đến, không lau chùi và quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Nay Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian càng ô nhiễm hơn, càng đầy bụi bặm hơn.

-- Nay Hiền giả, sự thật là vậy.

-- Nay Hiền giả, như vậy hạng người có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế". Với người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ không khởi lên ước muốn, sẽ không cố gắng, sẽ không tinh tấn để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ từ trần, trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cấu uế, trong khi tâm còn nhiễm".

Ở đây, nay Hiền giả, hạng người có cấu uế, và như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế". Với người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ khởi lên ước muốn, sẽ cố gắng, sẽ tinh tấn để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ từ trần, trong khi không còn tham, không còn sân, không còn si, trong khi không còn cấu uế, trong khi tâm không còn ô nhiễm". Nay Hiền giả, giống như cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang

từ nhà thợ rèn về, phủ đầy bụi bặm, và người chủ cái bát ấy dùng đến, lau chùi và không quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Nay Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian được thanh tịnh hơn, được sạch sẽ hơn.

-- Nay Hiền giả, sự thật là vậy.

-- Nay Hiền giả, như vậy hạng người có cấu uế và như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế". Với hạng người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ khởi lên ước muốn, sẽ cố gắng, sẽ tinh tấn, để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ từ trần, trong khi không còn tham, không còn sân, không còn si, trong khi không còn cấu uế, trong khi tâm không còn ô nhiễm".

Ở đây, nay Hiền giả, hạng người không có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế". Với người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ tu niệm tịnh tướng. Do tu niệm tịnh tướng, tham sẽ làm ô nhiễm tâm của người này. Người này sẽ từ trần, trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cấu uế, trong khi tâm còn ô nhiễm". Nay Hiền giả, giống như một cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, thanh tịnh và sạch sẽ. Và người chủ cái bát ấy không dùng đến, không lau chùi và quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Nay Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian, càng ô nhiễm hơn, càng bụi bặm hơn.

-- Nay Hiền giả, sự thật là vậy.

-- Nay Hiền giả, như vậy hạng người không có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế". Với người này có thể chờ đợi sau: "Người này sẽ tu niệm tịnh tướng. Do tu niệm tịnh tướng, tham sẽ làm ô nhiễm tâm của người này. Người này sẽ từ trần trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cấu uế, trong khi tâm còn ô nhiễm".

Ở đây, nay Hiền giả, hạng người không có cấu uế và như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế". Với người này có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ không tu niệm tịnh tướng. Do không tu niệm tịnh tướng, tham sẽ không làm ô nhiễm tâm của người này. Người này sẽ từ trần, trong khi không có tham, không có sân, không có si, trong khi không còn cấu uế, trong khi tâm không còn ô nhiễm". Nay Hiền giả, giống như một cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, thanh tịnh và sạch sẽ và người chủ cái bát ấy dùng đến, lau chùi và không quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Nay Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian, càng được thanh tịnh hơn, càng được sạch sẽ hơn.

-- Nay Hiền giả, sự thật là vậy.

-- Nay Hiền giả, như vậy hạng người không có cấu ứ, và như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu ứ". Với người này có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ không tư niệm tịnh tướng. Do không tư niệm tịnh tướng, tham sẽ không làm ô nhiễm tâm người này. Người này sẽ từ trần, không có tham, không có sân, không có si, không còn cấu ứ, tâm không còn ô nhiễm".

Nay Hiền giả Moggallāna, do nhân này, do duyên này, trong hai người có cấu ứ này, một người được gọi là hạ liệt, một người được gọi là ưu thắng. Nay Hiền giả Moggallāna, do nhân này, do duyên này, trong hai người này không có cấu ứ, một người được gọi là hạ liệt, một người được gọi là ưu thắng.

023. Ức nhiễm và thanh tịnh trong ý nghĩa cụ thể

Thiện ác trong nhiều tôn giáo, học thuyết là khái niệm mơ hồ đôi khi liên quan tới thần linh. Ở đây khi được hỏi, Tôn giả Sāriputta đưa ra những những điểm cụ thể trong cuộc sống hằng ngày:



Kinh Văn

-- Nay Hiền giả, cấu ứ gọi là cấu ứ, danh từ gì là đồng nghĩa cái gọi là cấu ứ?

-- Nay Hiền giả, các ác bất thiện pháp, cảnh giới của dục là đồng nghĩa cái gọi là cấu ứ.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Nếu ta có phạm giới tội, mong rằng các Tỷ-kheo chớ có biết về ta rằng là đã phạm giới tội". Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Tỷ-kheo có thể biết được các Tỷ-kheo ấy đã phạm giới tội. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Tỷ-kheo đã biết được ta đã phạm giới tội". Do đó, vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu ứ.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Nếu ta có phạm giới tội, mong rằng các Tỷ-kheo hãy quở trách ta ở chỗ kín đáo, không phải ở giữa Tăng chúng". Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Tỷ-kheo quở trách Tỷ-kheo ấy ở giữa Tăng chúng, không phải ở chỗ kín đáo. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Tỷ-kheo quở trách ta ở giữa Tăng chúng, không phải ở

chỗ kín đáo". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nộ, và bất mãn, cả hai thuộc về câu uest.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Nếu ta có phạm giới tội, mong rằng một Tỷ-kheo đồng đẳng hãy quở trách ta, chớ không phải một vị không đồng đẳng". Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo không đồng đẳng quở trách Tỷ-kheo ấy, không phải một Tỷ-kheo đồng đẳng. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo không đồng đẳng quở trách ta, không phải một Tỷ-kheo đồng đẳng". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về câu uest.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng bậc Đạo Sư hãy hỏi ta nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo! Mong rằng bậc Đạo Sư không hỏi Tỷ-kheo khác nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo!". Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: bậc Đạo Sư hỏi một Tỷ-kheo khác nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư không hỏi Tỷ-kheo ấy nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Bậc Đạo Sư hỏi một Tỷ-kheo khác nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo. Bậc Đạo Sư không hỏi ta nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo". Do đó, vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về câu uest.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng các Tỷ-kheo hãy để ta đi trước trong khi vào làng để dùng cơm! Mong rằng các Tỷ-kheo không để một Tỷ-kheo khác đi trước trong khi vào làng để dùng cơm!" Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Tỷ-kheo để một Tỷ-kheo khác đi trước trong khi vào làng để dùng cơm, các Tỷ-kheo không để Tỷ-kheo ấy đi trước trong khi vào làng để dùng cơm. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Tỷ-kheo để một Tỷ-kheo khác đi trước trong khi vào làng để dùng cơm, các Tỷ-kheo không để ta đi trước trong khi vào làng để dùng cơm". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về câu uest.

Nay Hiền giả, sự tình xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng tại chỗ ăn, ta được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất! Mong rằng Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn không được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất!" Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất; còn Tỷ-kheo ấy tại chỗ ăn không được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất. Tại chỗ ăn, ta không

được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất". Do đó, vị này trở thành phần nô và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nô và bất mãn, cả hai thuộc về câu ué.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng tại chỗ ăn sau khi ăn xong, ta sẽ thuyết tùy hỷ pháp, không phải Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, sẽ thuyết tùy hỷ pháp!" Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, thuyết tùy hỷ pháp; Tỷ-kheo ấy tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, không thuyết tùy hỷ pháp. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, thuyết tùy hỷ pháp. Ta tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, không thuyết tùy hỷ pháp". Do đó, vị này trở thành phần nô và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nô và bất mãn, cả hai thuộc về câu ué.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng, ta sẽ thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá, chớ không phải một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá!" Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá; còn Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá, còn ta không thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá". Do đó vị này trở thành phần nô và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nô và bất mãn, cả hai thuộc về câu ué.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng, ta sẽ thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni tụ tập tại ngôi tịnh xá,... (như trên)... ta sẽ thuyết pháp cho các Nam cư sĩ... ta sẽ thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá, chớ không phải một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá!" Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá; còn Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá; còn ta không thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá". Do đó, vị này trở thành phần nô và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nô và bất mãn, cả hai thuộc về câu ué.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng các Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta; các vị Tỷ-kheo chớ có cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường một Tỷ-kheo khác!" Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác, các Tỷ-kheo không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng

dường một Tỷ-kheo khác chớ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng các Tỷ-kheo-ni... (như trên)... các Nam cư sĩ... (như trên)... các Nữ cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta. Các Nữ cư sĩ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác!" Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Nữ cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác, các Nữ cư sĩ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Nữ cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác; các Nữ cư sĩ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng ta nhận được các y phục tối thắng, Tỷ-kheo khác không nhận được các y phục tối thắng!" Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác nhận được các y phục tối thắng, Tỷ-kheo ấy không nhận được các y phục tối thắng. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác nhận được các y phục tối thắng; ta không nhận được các y phục tối thắng". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng ta nhận được các đồ ăn khát thực tối thắng... (như trên)... các sàng tọa tối thắng, các dược phẩm trị bệnh tối thắng. Tỷ-kheo khác không nhận được các dược phẩm trị bệnh tối thắng!" Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác nhận được các dược phẩm trị bệnh tối thắng, còn Tỷ-kheo ấy không nhận được các dược phẩm trị bệnh tối thắng". Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác nhận được các dược phẩm trị bệnh tối thắng; còn ta không nhận được các dược phẩm trị bệnh tối thắng". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả, các ác bất thiện pháp, cảnh giới của dục này là đồng nghĩa cái gọi là cấu uế.

Nay Hiền giả, đối với Tỷ-kheo nào, các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này còn được thấy và nghe là chưa được diệt trừ, nếu Tỷ-kheo ấy là vị sống trong rừng núi, tại các trú xứ xa vắng, sống hạnh khát thực, thứ lớp khát thực từng nhà một, theo hạnh mang phần tảo y, mặc y phục thô xấu, thời các đồng phạm hạnh không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy. Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả

này còn được thấy và còn được nghe các ác, bất thiện pháp, cảnh giới dục của Tỷ-kheo chưa được diệt trừ.

Này Hiền giả, ví như một bát bằng đồng, mang từ chợ về hay từ nhà người thợ rèn về, bát ấy thanh tịnh, sạch sẽ. Nhưng người chủ của bát ấy đựng đầy bát với xác rắn, xác chó hay xác người, đập lại với một cái bát đồng khác rồi mang về hàng chợ lại. Có người thấy vậy bèn hỏi: "Bạn mang cái gì có vẻ đẹp để ngon lành vậy?" Khi cầm cái bát lên, mở ra và nhìn vào, thì với người ấy, không ưa thích khởi lên, sự ghê tởm khởi lên, và sự yếm ó khởi lên. Những người đói còn chưa muốn ăn các thứ ấy, huống nữa là những người đã no.

Này Hiền giả, đối với Tỷ-kheo nào, các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này còn được thấy và được nghe là chưa được diệt trừ, nếu Tỷ-kheo ấy là vị sống trong rừng núi, tại các trú xứ xa vắng, sống hạnh khát thực, thứ lớp khát thực từng nhà một, theo hạnh mang phân tảo y, mặc y phục thô xấu, thời các đồng phạm hạnh không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy. Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả này còn được thấy và còn được nghe các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này là chưa được diệt trừ.

Này Hiền giả, đối với Tỷ-kheo nào mà các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này được thấy và được nghe là đã diệt trừ, nếu Tỷ-kheo ấy sống gần làng mạc, chấp nhận biệt thỉnh thực, mang y người gia chủ cúng, thời các đồng phạm hạnh cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường vị Tỷ-kheo ấy. Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả này được thấy và được nghe các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục của vị Tỷ-kheo ấy đã được diệt trừ.

Này Hiền giả, ví như một bát đồng, mang từ hàng chợ về hay từ nhà người thợ rèn về, bát ấy thanh tịnh, sạch sẽ. Người chủ cái bát ấy đựng đầy với gạo ngon, cơm lành, các hột đen đã lấy ra, các loại đồ ăn, đập lại với một bát đồng khác rồi mang về hàng chợ lại. Các người thấy vậy bèn hỏi: "Bạn mang cái gì có vẻ đẹp để ngon lành vậy?" Khi cầm cái bát lên, mở ra và nhìn vào, thì đối với người ấy, ưa thích khởi lên, sự không ghê tởm khởi lên, sự không yếm ó khởi lên. Người no còn muốn ăn các thứ ấy huống nữa là người đói.

Này Hiền giả, cũng vậy, đối với vị Tỷ-kheo nào, mà các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này được thấy và được nghe là đã diệt trừ, nếu Tỷ-kheo ấy sống ở biên giới gần làng mạc, chấp nhận biệt thỉnh thực, mang y người gia chủ cúng, thời các đồng phạm hạnh cung kính, tôn trọng lễ bái cúng dường Tỷ-kheo ấy. Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả này được thấy và được nghe các ác, bất thiện pháp cảnh giới của dục này đã được diệt trừ.

024. “Những tư tưởng lớn gặp nhau”

Tôn giả Mahāmoggallāna sau khi nghe Tôn giả Sāriputta đã nói lên một thí dụ về hai người cùng nghề và giỏi như nhau khi người này nhìn người kia đẽo một vành xe cả hai đều giống nhau trong ý nghĩ cái gì nên làm. Một thí dụ để tán thán pháp được giảng và tán thán người giảng pháp:



Kinh Văn

Được nghe nói vậy, Tôn giả Mahāmoggallāna thưa với Tôn giả Sāriputta:

-- Hiền giả Sāriputta, một ví dụ khởi lên cho tôi!

-- Hiền giả Moggallāna, hãy nói lên ví dụ ấy.

-- Hiền giả, một thời tôi ở thành Vương Xá, tại Giribbaja. Ngày Hiền giả, rồi tôi đắp y vào buổi sáng, mang theo y bát, vào thành Vương Xá để khát thực. Lúc bấy giờ, Samīti, con một người làm xe, đang đẽo một vành xe, và tà mạng ngoại đạo Paṇḍuputta, trước là con của một người làm xe, đang đứng một bên. Rồi tà mạng ngoại đạo Paṇḍuputta trước là con một người làm xe, khởi lên ý nghĩ như sau: "Mong rằng Samīti, con người thợ xe, hãy đẽo đường cong này, đường méo này và các mắt gỗ này, để vành xe này không có cong, không có đường méo, không có mắt gỗ, được trơn tru và được đặt vào trong trục chính". Ngày Hiền giả, tà mạng ngoại đạo Paṇḍuputta, trước là con một người làm xe suy nghĩ như thế nào, thời đúng như vậy, Samīti, con người làm xe, đẽo đường cong này, đường méo này và các mắt gỗ này của vành xe ấy. Ngày Hiền giả, tà mạng ngoại đạo Paṇḍuputta trước là con người làm xe, hoan hỷ nói lên lời hoan hỷ như sau: "Hình như người này đang đẽo (vành xe ấy) như là với tâm của anh ta, anh ta biết tâm ta vậy".

Ngày Hiền giả, những ai không có lòng tin, vì mục đích sinh sống, không phải vì lòng tin mà xuất gia, sống đời sống vô gia đình, những vị gian nguy, xảo trá, khi cuống, trạo cử, kiêu mạn, dao động, lắm lời, tạp thoại, không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm cảnh giác, không tha thiết với hạnh Sa-môn, không nhiệt thành tôn trọng Phật pháp, ưa sống sung túc, biếng nhác, dẫn đầu về đọa lạc, chối bỏ trọng trách sống viễn ly, giải đãi không tinh tấn, lãng quên không chú niệm, không định tâm, tâm tán loạn, liệt tuệ, đần độn. Tôn giả Sāriputta với pháp môn này, như là với tâm của Tôn giả, Tôn giả biết tâm của những hạng người ấy.

Những kẻ Thiện nam tử, do lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; những vị nào không gian nguy, không xảo trá, không khi cuống, không trạo cử, không kiêu mạn, không dao động, không lăm lờ, không tạp thoại, hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác, tha thiết với hạnh Sa-môn, nhiệt thành tôn trọng Phật pháp, không sống trong sung túc, không biếng nhác, bỏ rơi gánh nặng về đọa lạc, dẫn đầu về viên ly, tinh cần, tinh tấn, nỗ lực, chú tâm cảnh giác, định tâm, nhất tâm, có trí tuệ, không đần độn. Những vị này sau khi nghe pháp môn này của Tôn giả Sariputta, hình như đang uống, hình như đang nếm với lời nói và tâm ý. Thật lành thay, một vị Tôn giả đồng phạm hạnh đã khiến cho vượt khỏi bất thiện và an trú vào chánh thiện!

Này Hiền giả, ví như một người đàn bà hay người đàn ông, còn đang tuổi trẻ, tánh ưa trang sức, sau khi gội đầu xong, sau khi được một vòng hoa sen xanh hay một vòng vũ sanh hoa, hay một vòng thiện tư hoa, dùng hai tay cầm lấy vòng hoa ấy và đặt trên đỉnh đầu. Này Hiền giả, cũng vậy những Thiện nam tử vì lòng tin đã xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình, không gian nguy... (như trên)... Thật lành thay một Tôn giả đồng phạm hạnh đã khiến cho vượt khỏi bất thiện và an trú vào chánh thiện!

Như vậy hai vị cao đức ấy cùng nhau thiện thuyết, cùng nhau tùy hỷ.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Phân đoạn & chú thích: Tỳ Kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

Kinh số 5 [tóm tắt]
Kinh Không Uế Nhiễm
(Anāgaṇa Sutta)
(M.i, 24)

Thế Tôn ở Sāvattthī, Jetavana, Anāthapiṇḍika. Sāriputta gọi các Tỷ-kheo và giảng kinh này.

Có bốn hạng người ở đời:

(1-2) Hạng người có cấu uế, không như thật biết mình có cấu uế, hay như thật biết mình có cấu uế. Hạng đầu hạ liệt hơn vì hạng này không có hy vọng khởi lên ý muốn diệt trừ cấu uế. Hạng thứ hai thù thắng hơn, vì biết mình có cấu uế nên tinh tấn đoạn trừ cấu uế.

(3-4) Hai hạng người không có cấu uế, một hạng không như thật biết mình không có cấu uế, một hạng người biết mình không có cấu uế. Hạng đầu hạ liệt hơn, vì có thể khởi tịnh tướng, và do vậy tâm bị ô nhiễm. Hạng thứ hai sẽ không khởi lên tịnh tướng, nhờ vậy không có tham, sân, si...

Sāriputta lấy bốn ví dụ tượng trưng cho bốn hạng người này. Hạng đầu như cái bát bằng đồng bị bụi bặm đem về nhà lại quăng vào chỗ bụi bặm. Hạng thứ hai như cái bát đầy bụi bặm đem về nhà để vào chỗ sạch sẽ và thỉnh thoảng lau chùi. Hạng thứ ba như cái bát sạch sẽ nhưng đem về nhà bỏ vào chỗ không sạch sẽ, và hạng thứ tư như cái bát sạch sẽ, đem về nhà lại để vào chỗ sạch sẽ, lại biết lau chùi, nên cái bát càng sạch sẽ hơn lên.

Rồi Sāriputta định nghĩa cấu uế (anganam) tức là các ác pháp, các bất thiện pháp, các cảnh giới của dục là đồng nghĩa với cấu uế. Và Sāriputta kể mười ba trường hợp, trong ấy một Tỷ-kheo giữa tăng chúng khởi lên mười ba ý muốn, nhưng không được toại nguyện, nên khởi lên bất mãn và phần nộ, bất mãn là cấu uế.

Mười ba trường hợp như sau:

1/ Tỷ-kheo có phạm tội, muốn rằng chúng Tăng không có biết.

2/ Tỷ-kheo có phạm tội, mong rằng các Tỷ-kheo buộc tội trong chỗ kín, không tại chỗ đông người.

- 3/ Tỷ-kheo có phạm tội, muốn rằng được Tỷ-kheo đồng hạng buộc tội.
- 4/ Muốn rằng trong khi giảng pháp, bậc Đạo sư hỏi mình nhiều về chánh pháp.
- 5/ Muốn rằng các Tỷ-kheo để mình đi trước, khi đi vào làng dùng cơm.
- 6/ Mong rằng tại chỗ ăn, được chỗ ngồi, được nước uống, được đồ ăn khát thực tốt ngon.
- 7/ Mong rằng sau khi ăn, mình được mời thuyết hoan hỷ pháp.
- 8/ Mong rằng mình được thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá.
- 9/ Mong rằng mình được thuyết pháp cho các Tỷ-kheo- ni..., nam cư sĩ..., nữ cư sĩ.
- 10/ Mong rằng các Tỷ-kheo chỉ cung kính tôn trọng một mình ta, không tôn kính tôn trọng các Tỷ-kheo khác.
- 11/ Mong rằng các Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ chỉ cung kính tôn trọng một mình ta, không cung kính tôn trọng các Tỷ-kheo khác.
- 12-13/ Mong rằng mình nhận được y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh thù thắng nhất.

Cuối cùng Sāriputta xác định rằng nếu vị Tỷ-kheo được thấy và được nghe còn câu uế chưa diệt trừ, thời dù Tỷ-kheo ấy sống ở trong rừng núi xa vắng, khát thực từng nhà một, mang phần tảo y, mặc y phục thô xấu, các vị đồng Phạm hạnh cũng không cung kính tôn trọng vị Tỷ-kheo ấy. Trái lại, vị Tỷ-kheo nào các ác bất thiện pháp, cảnh giới của dục được thấy và được nghe đã được đoạn trừ, thời dù Tỷ-kheo ấy ở làng mạc, chấp nhận biệt thỉnh thực, mang y phục của người gia chủ cúng, thời các vị đồng Phạm hạnh tôn trọng cung kính người ấy.

Đến đây, Mahāmoggallāna kể một ví dụ. Mahāmoggallāna kể chuyện có thấy Samīti, con một người làm xe đang đèo một vành xe, và một tà mạng ngoại đạo tên là Paṇḍuputta đang đứng nhìn, người này trước kia là một người làm xe. Paṇḍuputta vì biết đèo vành xe nên nghĩ rằng Samīti hãy đèo đường cong này, đường méo này, để vành xe không có đường cong méo, và Samīti làm y như Paṇḍuputta đã nghĩ. Khi ấy Paṇḍuputta phải nói rằng Samīti đang đèo vành xe với tâm của nó biết được tâm của mình. Cũng vậy Sāriputta đã biết được tâm địa của những người xuất gia chon chánh hay không chon chánh. Nhưng người không vì lòng tin xuất gia, vì mục đích sinh

sống, gian nguy, xảo trá, lảm lòi, không tiết độ trong ăn uống, với pháp môn này, Sāriputta biết tâm các vị ấy. Còn đối với những vị vì lòng tin xuất gia, sống không gian nguy, xảo trá, hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống, chúng sẽ nghe pháp môn này như đang uống, đang nếm với lời nói và tâm ý.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu

-ooOoo-

Kinh số 5 [dàn ý]
Kinh Không Uế Nhiễm
(Anāgaṇa Sutta)
(M.i, 24)

A. Duyên khởi:

Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo và thuyết giảng.

B. Chánh kinh:

I. Tôn giả Sāriputta nói có 4 hạng người ở đời:

1. Hạng có cấu uế và không biết mình có cấu uế,
2. Hạng có cấu uế và biết mình có cấu uế,
3. Hạng không có cấu uế và không biết mình không có cấu uế,
4. Hạng không có cấu uế và biết mình không có cấu uế.

II. Với câu hỏi của Tôn giả Moggallāna, Tôn giả Sāriputta giải thích vì sao hạng không như thật biết mình có cấu uế và không có cấu uế là hạ liệt; còn hạng như thật biết mình có cấu uế và biết mình không có cấu uế là ưu thắng.

III. Thế nào là cấu uế? 13 trường hợp cấu uế có thể xảy đến cho vị Tỷ-kheo ở trong chúng.

IV. Tỷ-kheo có cấu uế, dù ở trong rừng, tu hạnh đầu đà... vẫn không được các vị đồng phạm hạnh cung kính. Trái lại, vị Tỷ-kheo sống gần làng mạc, nhưng không cấu uế, vẫn được các vị đồng phạm hạnh cung kính.

Tôn giả Moggallāna dùng ví dụ tán thán Tôn giả Sāriputta đã khéo rõ biết tâm tư của vị xuất gia không chân chánh và vị xuất gia chân chánh.

C. Kết luận:

Hai vị Tôn giả cùng nhau khéo nói, cùng nhau tùy hỷ.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu

-ooOoo-

Kinh số 5 [toát yếu]
Kinh Không Uế Nhiễm
(Anāṅgaṇa Sutta)
(M.i, 24)

I. Toát yếu

Anaṅgaṇa Sutta - Without blemishes.

The venerable Sāriputta gives a discourse to the Bhikkhus on the meaning of blemishes, explaining that a bhikkhus becomes blemished when he falls under the sway of evil wishes.

Không lỗi lầm.

Tôn giả Xá-lợi-phất giảng cho các tỳ kheo ý nghĩa của câu ứ -haylỗilầm-giải thích rằng một tỳ kheo có lỗi khi vị ấy bị thao túng bởi những ước muốn xấu.

II. Tóm tắt

Có 4 hạng người trên đời:

1. Có câu ứ mà không tự biết;
2. Có câu ứ và như thật biết mình có câu ứ;
3. Không câu ứ nhưng không tự biết;

4. Không cầu uest và biết như thật mình không cầu uest.

Trong hai hạng có cầu uest, hạng tự biết hơn người không tự biết. Vì khi có cầu uest mà không tự biết, vị ấy sẽ chết mang theo những cầu uest còn nguyên vẹn; nhưng nếu tự biết còn cầu uest, vị ấy sẽ khởi lên ước muốn tinh tấn diệt trừ cầu uest và sẽ từ trần với tâm không còn ô nhiễm. Như người có cái bát dơ, lại bỏ quên nó vào nơi bụi bặm thì càng ngày càng dơ. Ngược lại nếu thấy bát dơ, chủ nhân đem lau chùi không để vào nơi bụi bặm, thì bát càng ngày càng sáng sạch.

Trong hai hạng không cầu uest cũng vậy. Hạng không cầu uest nhưng không tự biết một cách như thật là mình không cầu uest, thì có thể có lúc do tiếp xúc sắc đẹp mà nổi tham, quên quán thân bất tịnh, gọi là "tư niệm tịnh tướng" và từ đó tham, sân làm ô nhiễm tâm vị ấy. Như một cái bát sạch mà chủ nhân không biết dùng, lại liệng nó vào chỗ bụi bặm thì dần dà nó sẽ thành bát dơ. Người không cầu uest và như thật tuệ tri mình không cầu uest, thì sẽ không tư niệm tịnh tướng, luôn quán bất tịnh nên tham không làm ô nhiễm tâm vị ấy. Vị ấy sẽ từ trần với tâm không còn ô nhiễm. Như chủ nhân một cái bát sạch nhờ biết nó sạch nên siêng lau chùi, giữ gìn không để nó lẫn lộn với rác rưởi.

Do vậy, trong bốn hạng người thì hai hạng "có biết" là hơn hai hạng kia.

Tiếp đến tôn giả kể ra những gì gọi là cầu uest nơi tỳ kheo: đó là các suy tư bất thiện liên hệ đến dục, như vị tỳ kheo nổi lên phần nộ bất mãn khi thầm mong nhiều chuyện mà toàn gặp chuyện trái lại: khi có phạm giới, thầm mong đừng ai biết; mong các tỳ kheo quở trách mình tại chỗ kín đáo đừng công khai; nếu bị cử tội công khai, mong người quở trách phải là người ngang hàng. Tại giảng đường, thầm mong Phật hỏi mình nhiều lần, đừng hỏi ai khác. Vào xóm khát thực, thầm mong chúng tỳ kheo để mình dẫn đầu; thầm mong mình được chỗ tốt nhất, thực phẩm tốt nhất; mong các tỳ kheo để cho mình phát biểu sau khi ăn xong tại nhà gia chủ [thuyết tùy hỷ pháp]. Khi đại chúng nhóm họp trong tịnh xá, thầm mong họ mời mình thuyết pháp cho chúng tỳ kheo, tỳ kheo ni, nam hoặc nữ cư sĩ. Thầm mong được chúng tỳ kheo, tỳ kheo ni, nam, nữ cư sĩ tôn trọng lễ bái cúng dường mình chứ không phải ai khác. Thầm mong mình được tứ sự cúng dường loại tốt nhất.

Tất cả những mong mỏi như trên, cùng với sự bất mãn phần nộ do cái khổ "cầu không được" đều gọi là cầu uest, là cảnh giới của dục.

Nơi tỳ kheo nào chưa diệt trừ các cầu uest, thì dù vị ấy là người sống ở rừng, tu đủ thứ khổ hạnh, vẫn không được các vị đồng phạm hạnh cung kính tôn trọng. Người ấy được ví như một cái bát bề ngoài đẹp đẽ nhưng đựng toàn thứ dơ bẩn gồm ghiếc như

xác rắn xác chuột. Trái lại một tỳ kheo dù sống gần làng mạc, không tu khổ hạnh, nhưng đã diệt trừ cầu uế, thì vẫn được cung kính tôn trọng, như một cái bát đẹp lại chứa toàn thực phẩm ngon lành.

III. Chú giải

...

IV. Pháp số

Ba độc: tham sân si.

Ba nghiệp: thân, ngữ, ý.

Bốn hạng người: hai hạng có và hai hạng không cầu uế.

V. Kệ tụng

A. Bốn hạng người

1. Đòi có bốn hạng người:

Có lỗi mà tự tri,
Có lỗi, không tự tri
Không lỗi cũng gồm hai
Tự biết, không tự biết.

2. Hạng "có biết" là hơn:

Như cái bát dơ dáy
Chủ biết mà lau chùi
Thì sẽ thành bát sạch.
Cũng thế, người có lỗi
Tự biết, lo sửa đổi
Sẽ thành người trong sạch
Chết mang theo nghiệp lành.

3. Có lỗi không tự biết

Như bát dơ càng dơ
Vì lâu ngày không rửa;
Người xấu không tự biết

Chết mang theo xấu xa.

4. Người tốt không tự biết
Lại giao du bạn xấu
Đam mê theo thanh sắc
Lâu ngày thành kẻ hư.
Như cái bát trong sáng
Mà đem liệng đồng rác
Hoặc chứa toàn thứ dơ
Đi đòi cái bát sạch.

5. Người tự biết không lỗi
Lo tư quán bất tịnh
Không rơi vào tham, sân
Chết với tâm vô nhiễm.
Như cái bát trong sáng
Chủ lại siêng lau chùi
Không để bám bụi bặm
Càng ngày càng sáng trong.

B. Cấu uế của tâm:

6. Các ác bất thiện pháp
Và cảnh giới của dục
Ấy gọi là đồng nghĩa
Với cấu uế của tâm.

7. Thâm mong đợi một đường
Việc xảy ra một nẻo
Nên phần nộ bất mãn
Đây gọi là cấu uế.

8. Khi lỡ phạm giới tội
Cầu mong đừng ai biết
Người biết, bèn nổi sân
Đây gọi là cấu uế.

9. "Mong họ quở trách ta
Chỗ kín đáo một chút
Chớ đừng giữa công khai"

Sự xảy ra ngược lại
Bị quở trách giữa tầng
Đương sự bèn nổi sân
Đây gọi là câu ứ.

10. "Ước chi người đồng đảng
Quở trách tội lỗi mình"
Thực tế không được vậy
Bị người dưới chơi leo
Hậm hực, lòng bất mãn
Đây gọi là câu ứ.

11. Tại giảng đường, học
Pháp Thâm mong thầy gọi mình
Thầy lại gọi người khác
Lòng bất mãn không vui
Đây gọi là câu ứ.

12. "Mong ta được dẫn đầu
Khi vào làng khát thực,"
Hóa ra người dẫn đầu
Lại là tỳ kheo khác,
Mình bất mãn không vui
Đây gọi là câu ứ.

13. "Mong tại nơi thọ thực
Ta ngồi chỗ tốt nhất
Được thức uống tốt nhất
Và thực phẩm hảo hạng."
Một tỳ kheo khác được
Nhưng gì ta thâm mong
Ta phẫn nộ, bất mãn
Đây gọi là câu ứ.

14. "Mong sau khi ăn xong
Ta thuyết tùy hỷ pháp"
Nhưng sự tình xảy ra
Là tỳ kheo khác thuyết;
Ta phẫn nộ, bất mãn
Đây gọi là câu ứ.

15. Khi bốn chúng tụ tập
Tại một ngôi tịnh xá
Tỳ kheo ấy thâm mong
Mình được mời giảng pháp
Nhưng sự tình xảy ra
Một tỳ kheo khác giảng;
Ta phần nô, bất mãn
Đây gọi là câu ứ.

16. "Mong ta được bốn chúng
Lễ bái và cúng dường"
Nhưng một tỳ kheo khác
Đã được địa vị ấy
Ta phần nô, bất mãn
Đây gọi là câu ứ.

17. "Mong ta sẽ có được
Những vật dụng tối thắng
Về tứ sự cúng dường"
Nhưng người được, ta không
Ta phần nô, bất mãn
Đây gọi là câu ứ.

18. Nơi vị tỳ kheo nào
Chưa đoạn trừ câu ứ
Dù có tu khổ hạnh
Cũng không đáng tôn sùng.
Nơi vị tỳ kheo nào
Đã đoạn trừ câu ứ
Dù không tu khổ hạnh
Cũng đáng được tán dương.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải*

-ooOoo-

5. Anaṅgaṇasuttam [Mūla]

57. Evaṃ me sutam : ekaṃ samayaṃ **Bhagavā** sāvattthiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tatra kho āyasmā sārīputto bhikkhū āmantesi : "āvuso, bhikkhaveti. "Āvusoti kho te bhikkhū āyasmato sārīputtassa paccassosum. Āyasmā sārīputto etadavoca : "cattārome, āvuso, puggalā santo samvijjamānā lokasmiṃ. Katame cattāro? idhāvuso, ekacco puggalo sāṅgaṇova samāno 'atthi me ajjhattam aṅgaṇanti yathābhūtam nappajānāti. Idha panāvuso, ekacco puggalo sāṅgaṇova samāno 'atthi me ajjhattam aṅgaṇanti yathābhūtam pajānāti. Idhāvuso, ekacco puggalo anaṅgaṇova samāno 'natthi me ajjhattam aṅgaṇanti yathābhūtam nappajānāti. Idha panāvuso, ekacco puggalo anaṅgaṇova samāno 'natthi me ajjhattam aṅgaṇanti yathābhūtam pajānāti. Tatrāvuso, yvāyaṃ puggalo sāṅgaṇova samāno 'atthi me ajjhattam aṅgaṇanti yathābhūtam nappajānāti, ayaṃ imesaṃ dvinnam puggalānam sāṅgaṇānaṃyeva satam hīnapuriso akkhāyati. Tatrāvuso, yvāyaṃ puggalo sāṅgaṇova samāno 'atthi me ajjhattam aṅgaṇanti yathābhūtam nappajānāti, ayaṃ imesaṃ dvinnam puggalānam sāṅgaṇānaṃyeva satam seṭṭhapuriso akkhāyati . Tatrāvuso, yvāyaṃ puggalo anaṅgaṇova samāno 'natthi me ajjhattam aṅgaṇanti yathābhūtam nappajānāti, ayaṃ imesaṃ dvinnam puggalānam anaṅgaṇānaṃyeva satam hīnapuriso akkhāyati. Tatrāvuso, yvāyaṃ puggalo anaṅgaṇova samāno 'natthi me ajjhattam aṅgaṇanti yathābhūtam pajānāti, ayaṃ imesaṃ dvinnam puggalānam anaṅgaṇānaṃyeva satam seṭṭhapuriso akkhāyatīti.

58. Evaṃ vutte, āyasmā mahāmoggallāno āyasmantaṃ sārīputtaṃ etadavoca : "ko nu kho, āvuso sārīputta, hetu ko paccayo yenimesaṃ dvinnam puggalānam sāṅgaṇānaṃyeva satam eko hīnapuriso akkhāyati, eko seṭṭhapuriso akkhāyati? ko panāvuso sārīputta, hetu ko paccayo yenimesaṃ dvinnam puggalānam anaṅgaṇānaṃyeva satam eko hīnapuriso akkhāyati, eko seṭṭhapuriso akkhāyatīti?

59. "Tatrāvuso, yvāyaṃ puggalo sāṅgaṇova samāno 'atthi me ajjhattam aṅgaṇanti yathābhūtam nappajānāti, tassetam pāṭikaṅkham : na chandaṃ janessati na vāyamiṣṣati na vīriyaṃ ārabhissati tassaṅgaṇassa pahānāya so sarāgo sadoso samoho sāṅgaṇo saṃkiliṭṭhacitto kālam karissati. Seyyathāpi, āvuso, kaṃsapāti ābhatā āpaṇā vā kammārakulā vā rajena ca malena ca pariyaonaddhā. Tameṇaṃ sāmikā na ceva paribhuñjeyyum na ca pariyaodapeyyum [pariyaodāpeyyum (?)], rajāpathe ca naṃ nikkhipeyyum. Evañhi sā, āvuso, kaṃsapāti aparena samayena saṃkiliṭṭhatarā assa malaggahitāti? "evamāvusoti. "Evameva kho, āvuso, yvāyaṃ puggalo sāṅgaṇova samāno 'atthi me ajjhattam aṅgaṇanti yathābhūtam nappajānāti, tassetam pāṭikaṅkham : na chandaṃ janessati na vāyamiṣṣati na vīriyaṃ ārabhissati tassaṅgaṇassa pahānāya so sarāgo sadoso samoho sāṅgaṇo saṃkiliṭṭhacitto kālam

karissati. "Tatrāvuso, yvāyaṃ puggalo sāṅgaṇova samāno 'atthi me ajjhataṃ aṅgaṇanti yathābhūtaṃ pajānāti, tassetam pāṭikaṅkham : chandaṃ janessati vāyamiṣṣati vīriyaṃ ārabhissati tassaṅgaṇassa pahānāya so arāgo adoso amoho anaṅgaṇo asaṃkiliṭṭhacitto kālaṃ karissati. Seyyathāpi, āvuso, kaṃsapāti ābhatā āpaṇā vā kammārakulā vā rajena ca malena ca pariyaṇaddhā. Tameṇaṃ sāmikā paribhuñjeyyūñceva pariyaṇapeyyūñca, na ca naṃ rajāpathe nikkhipeyyuṃ. Evañhi sā, āvuso, kaṃsapāti aparena samayena parisuddhatarā assa pariyaṇatāti? "evamāvusoti. "Evameva kho, āvuso, yvāyaṃ puggalo sāṅgaṇova samāno 'atthi me ajjhataṃ aṅgaṇanti yathābhūtaṃ pajānāti, tassetam pāṭikaṅkham : chandaṃ janessati vāyamiṣṣati vīriyaṃ ārabhissati tassaṅgaṇassa pahānāya so arāgo adoso amoho anaṅgaṇo asaṃkiliṭṭhacitto kālaṃ karissati. "Tatrāvuso , yvāyaṃ puggalo anaṅgaṇova samāno 'natthi me ajjhataṃ aṅgaṇanti yathābhūtaṃ nappajānāti, tassetam pāṭikaṅkham : subhanimittaṃ manasi karissati, tassa subhanimittassa manasikārā rāgo cittaṃ anuddhamṣessati so sarāgo sadoso samoho sāṅgaṇo saṃkiliṭṭhacitto kālaṃ karissati. Seyyathāpi, āvuso, kaṃsapāti ābhatā āpaṇā vā kammārakulā vā parisuddhā pariyaṇatā. Tameṇaṃ sāmikā na ceva paribhuñjeyyūṃ na ca pariyaṇapeyyuṃ, rajāpathe ca naṃ nikkhipeyyuṃ. Evañhi sā, āvuso, kaṃsapāti aparena samayena saṃkiliṭṭhatarā assa malaggahitāti? "evamāvusoti. "Evameva kho, āvuso, yvāyaṃ puggalo anaṅgaṇova samāno 'natthi me ajjhataṃ aṅgaṇanti yathābhūtaṃ nappajānāti, tassetam pāṭikaṅkham : subhanimittaṃ manasi karissati, tassa subhanimittassa manasikārā rāgo cittaṃ anuddhamṣessatiso sarāgo sadoso samoho sāṅgaṇo saṃkiliṭṭhacittokālaṃkarissati. "Tatrāvuso, yvāyaṃ puggalo anaṅgaṇova samāno 'natthi me ajjhataṃ aṅgaṇanti yathābhūtaṃ pajānāti, tassetam pāṭikaṅkham : subhanimittaṃ na manasi karissati, tassa subhanimittassa amanasikārā rāgo cittaṃ nānuddhamṣessati so arāgo adoso amoho anaṅgaṇo asaṃkiliṭṭhacitto kālaṃ karissati. Seyyathāpi, āvuso, kaṃsapāti ābhatā āpaṇā vā kammārakulā vā parisuddhā pariyaṇatā. Tameṇaṃ sāmikā paribhuñjeyyūñceva pariyaṇapeyyūñca, na ca naṃ rajāpathe nikkhipeyyuṃ. Evañhi sā, āvuso, kaṃsapāti aparena samayena parisuddhatarā assa pariyaṇatāti? "evamāvusoti. "Evameva kho, āvuso, yvāyaṃ puggalo anaṅgaṇova samāno 'natthi me ajjhataṃ aṅgaṇanti yathābhūtaṃ pajānāti, tassetam pāṭikaṅkham : subhanimittaṃ na manasi karissati, tassa subhanimittassa amanasikārā rāgo cittaṃ nānuddhamṣessati so arāgo adoso amoho anaṅgaṇo asaṃkiliṭṭhacitto kālaṃ karissati. "Ayaṃ kho, āvuso moggallāna , hetu ayaṃ paccayo yenimesaṃ dvinnāṃ puggalānaṃ sāṅgaṇānaṃyeva sataṃ eko hīnapuriso akkhāyati, eko seṭṭhapuriso akkhāyati. Ayaṃ panāvuso moggallāna, hetu ayaṃ paccayo yenimesaṃ dvinnāṃ puggalānaṃ anaṅgaṇānaṃyeva sataṃ eko hīnapuriso akkhāyati, eko seṭṭhapuriso akkhāyatīti.

60. "Aṅgaṇaṃ aṅgaṇanti, āvuso, vuccati. Kissa nu kho etaṃ, āvuso, adhivacanaṃ yadidaṃ aṅgaṇanti? "pāpakānaṃ kho etaṃ, āvuso, akusalānaṃ

icchāvacarānaṃ adhivacanaṃ, yadidaṃ aṅgaṇanti. "Ṭhānaṃ kho panetaṃ, āvuso, vijjati yaṃ idhekaccassa bhikkhuno evaṃ icchā uppajjeyya : 'āpattiñca vata āpanno assaṃ, na ca maṃ bhikkhū jāneyyumaṃ āpattiṃ āpannoti. Ṭhānaṃ kho panetaṃ, āvuso, vijjati yaṃ taṃ bhikkhumaṃ bhikkhū jāneyyumaṃ : 'āpattiṃ āpannoti. 'Jānanti maṃ bhikkhū āpattiṃ āpannoti : iti so kupito hoti appatīto. Yo ceva kho, āvuso, kopo yo ca appaccayo : ubhayametaṃ aṅgaṇaṃ. "Ṭhānaṃ kho panetaṃ, āvuso, vijjati yaṃ idhekaccassa bhikkhuno evaṃ icchā uppajjeyya : 'āpattiñca vata āpanno assaṃ, anuraho maṃ bhikkhū codeyyumaṃ, no saṅghamajjheti. Ṭhānaṃ kho panetaṃ, āvuso, vijjati yaṃ taṃ bhikkhumaṃ bhikkhū saṅghamajjhe codeyyumaṃ, no anuraho. 'Saṅghamajjhe maṃ bhikkhū codenti, no anurahoti : iti so kupito hoti appatīto. Yo ceva kho, āvuso, kopo yo ca appaccayo : ubhayametaṃ aṅgaṇaṃ. "Ṭhānaṃ kho panetaṃ, āvuso, vijjati yaṃ idhekaccassa bhikkhuno evaṃ icchā uppajjeyya : 'āpattiñca vata āpanno assaṃ, sappatipuggalo maṃ codeyya, no appatipuggaloti. Ṭhānaṃ kho panetaṃ, āvuso, vijjati yaṃ taṃ bhikkhumaṃ sappatipuggalo codeyya, no sappatipuggalo. 'Appatipuggalo maṃ codeti, no sappatipuggaloti : iti so kupito hoti appatīto. Yo ceva kho, āvuso, kopo yo ca appaccayo : ubhayametaṃ aṅgaṇaṃ. "Ṭhānaṃ kho panetaṃ, āvuso, vijjati yaṃ idhekaccassa bhikkhuno evaṃ icchā uppajjeyya : 'aho vata mameva satthā paṭipucchitvā paṭipucchitvā bhikkhūnaṃ dhammaṃ deseyya, na aññaṃ bhikkhumaṃ satthā paṭipucchitvā paṭipucchitvā bhikkhūnaṃ dhammaṃ deseyyāti. Ṭhānaṃ kho panetaṃ, āvuso, vijjati yaṃ aññaṃ bhikkhumaṃ satthā paṭipucchitvā paṭipucchitvā bhikkhūnaṃ dhammaṃ deseyya, na taṃ bhikkhumaṃ satthā paṭipucchitvā paṭipucchitvā bhikkhūnaṃ dhammaṃ deseyya. 'Aññaṃ bhikkhumaṃ satthā paṭipucchitvā paṭipucchitvā bhikkhūnaṃ dhammaṃ deseti, na maṃ satthā paṭipucchitvā paṭipucchitvā bhikkhūnaṃ dhammaṃ desetīti : iti so kupito hoti appatīto. Yo ceva kho, āvuso, kopo yo ca appaccayo : ubhayametaṃ aṅgaṇaṃ. "Ṭhānaṃ kho panetaṃ, āvuso, vijjati yaṃ idhekaccassa bhikkhuno evaṃ icchā uppajjeyya : 'aho vata mameva bhikkhū purakkhatvā purakkhatvā gāmaṃ bhattāya paviseyyumaṃ, na aññaṃ bhikkhumaṃ bhikkhū purakkhatvā purakkhatvā gāmaṃ bhattāya paviseyyunti. Ṭhānaṃ kho panetaṃ, āvuso, vijjati yaṃ aññaṃ bhikkhumaṃ bhikkhū purakkhatvā purakkhatvā gāmaṃ bhattāya paviseyyumaṃ, na taṃ bhikkhumaṃ bhikkhū purakkhatvā purakkhatvā gāmaṃ bhattāya paviseyyumaṃ. 'Aññaṃ bhikkhumaṃ bhikkhū purakkhatvā purakkhatvā gāmaṃ bhattāya pavisanti, na maṃ bhikkhū purakkhatvā purakkhatvā gāmaṃ bhattāya pavisantīti : iti so kupito hoti appatīto. Yo ceva kho, āvuso, kopo yo ca appaccayo : ubhayametaṃ aṅgaṇaṃ. "Ṭhānaṃ kho panetaṃ, āvuso, vijjati yaṃ idhekaccassa bhikkhuno evaṃ icchā uppajjeyya : 'aho vata ahameva labheyyaṃ bhattagge aggāsaṇaṃ aggodakaṃ aggapiṇḍaṃ, na añño bhikkhu labheyya bhattagge aggāsaṇaṃ aggodakaṃ aggapiṇḍanti. Ṭhānaṃ kho panetaṃ, āvuso, vijjati yaṃ añño bhikkhu labheyya bhattagge aggāsaṇaṃ aggodakaṃ aggapiṇḍaṃ, na so bhikkhu labheyya bhattagge aggāsaṇaṃ aggodakaṃ aggapiṇḍaṃ. 'Añño bhikkhu labhati bhattagge aggāsaṇaṃ

aggodakam aggapiṇḍam, nāham labhāmi bhattachge aggāsanam aggodakam
aggapiṇḍanti : iti so kupito hoti appatīto. Yo ceva kho, āvuso, kopo yo ca appaccayo
: ubhayametam aṅgaṇam. "Thānam kho panetam, āvuso, vijjati yaṃ idhekaccassa
bhikkhuno evaṃ icchā uppajjeyya : 'aho vata ahameva bhattachge bhuttāvī
anumodeyyam, na añño bhikkhu bhattachge bhuttāvī anumodeyyāti. Thānam kho
panetam, āvuso, vijjati yaṃ añño bhikkhu bhattachge bhuttāvī anumodeyya, na so
bhikkhu bhattachge bhuttāvī anumodeyya. 'Añño bhikkhu bhattachge bhuttāvī
anumodati, nāham bhattachge bhuttāvī anumodāmīti : iti so kupito hoti appatīto. Yo
ceva kho, āvuso, kopo yo ca appaccayo : ubhayametam aṅgaṇam. "Thānam kho
panetam, āvuso, vijjati yaṃ idhekaccassa bhikkhuno evaṃ icchā uppajjeyya : 'aho
vata ahameva āramagatānam bhikkhūnam dhammam deseyyam, na añño bhikkhu
āramagatānam bhikkhūnam dhammam deseyyāti. Thānam kho panetam, āvuso,
vijjati yaṃ añño bhikkhu āramagatānam bhikkhūnam dhammam deseyya, na so
bhikkhu āramagatānam bhikkhūnam dhammam deseyya. 'Añño bhikkhu
āramagatānam bhikkhūnam dhammam deseti, nāham āramagatānam bhikkhūnam
dhammam desemīti : iti so kupito hoti appatīto. Yo ceva kho, āvuso, kopo yo ca
appaccayo : ubhayametam aṅgaṇam. "Thānam kho panetam, āvuso, vijjati yaṃ
idhekaccassa bhikkhuno evaṃ icchā uppajjeyya : 'aho vata ahameva āramagatānam
bhikkhunīnam dhammam deseyyam - pe - upāsakānam dhammam deseyyam - pe -
upāsikānam dhammam deseyyam, na añño bhikkhu āramagatānam upāsikānam
dhammam deseyyāti. Thānam kho panetam, āvuso, vijjati yaṃ añño bhikkhu
āramagatānam upāsikānam dhammam deseyya, na so bhikkhu āramagatānam
upāsikānam dhammam deseyya. 'Añño bhikkhu āramagatānam upāsikānam
dhammam deseti, nāham āramagatānam upāsikānam dhammam desemīti : iti so
kupito hoti appatīto. Yo ceva kho, āvuso, kopo yo ca appaccayo : ubhayametam
aṅgaṇam. "Thānam kho panetam, āvuso, vijjati yaṃ idhekaccassa bhikkhuno evaṃ
icchā uppajjeyya : 'aho vata mameva bhikkhū sakkareyyuṃ garuṃ kareyyuṃ
[garukareyyuṃ (sī. syā. pī.)] māneyyuṃ pūjeyyuṃ, na aññaṃ bhikkhuṃ bhikkhū
sakkareyyuṃ garuṃ kareyyuṃ māneyyuṃ pūjeyyunti. Thānam kho panetam, āvuso,
vijjati yaṃ aññaṃ bhikkhuṃ bhikkhū sakkareyyuṃ garuṃ kareyyuṃ māneyyuṃ
pūjeyyuṃ, na taṃ bhikkhuṃ bhikkhū sakkareyyuṃ garuṃ kareyyuṃ māneyyuṃ
pūjeyyuṃ. 'Aññaṃ bhikkhuṃ bhikkhū sakkaronti garuṃ karonti mānenti pūjenti ,
na maṃ bhikkhū sakkaronti garuṃ karonti mānenti pūjentīti : iti so kupito hoti
appatīto. Yo ceva kho, āvuso, kopo yo ca appaccayo : ubhayametam aṅgaṇam.
"Thānam kho panetam, āvuso, vijjati yaṃ idhekaccassa bhikkhuno evaṃ icchā
uppajjeyya : 'aho vata mameva bhikkhuniyo - pe - upāsakā - pe - upāsikā
sakkareyyuṃ garuṃ kareyyuṃ māneyyuṃ pūjeyyuṃ, na aññaṃ bhikkhuṃ upāsikā
sakkareyyuṃ garuṃ kareyyuṃ māneyyuṃ pūjeyyunti. Thānam kho panetam, āvuso,
vijjati yaṃ aññaṃ bhikkhuṃ upāsikā sakkareyyuṃ garuṃ kareyyuṃ māneyyuṃ
pūjeyyuṃ, na taṃ bhikkhuṃ upāsikā sakkareyyuṃ garuṃ kareyyuṃ māneyyuṃ

pūjeyyūṃ. 'Aññaṃ bhikkhuṃ upāsikā sakkaronti garuṃ karonti mānenti pūjenti, na maṃ upāsikā sakkaronti garuṃ karonti mānenti pūjentīti : iti so kupito hoti appatīto. Yo ceva kho, āvuso, kopo yo ca appaccayo : ubhayametam aṅgaṇaṃ. "Ṭhānaṃ kho panetaṃ, āvuso, vijjati yaṃ idhekaccassa bhikkhuno evaṃ icchā uppajjeyya : 'aho vata ahameva lābhī assaṃ paṇītānaṃ cīvarānaṃ, na añño bhikkhu lābhī assa paṇītānaṃ cīvarānanti. Ṭhānaṃ kho panetaṃ, āvuso, vijjati yaṃ añño bhikkhu lābhī assa paṇītānaṃ cīvarānaṃ, na so bhikkhu lābhī assa paṇītānaṃ cīvarānaṃ. 'Añño bhikkhu lābhī [lābhī assa (ka.)] paṇītānaṃ cīvarānaṃ, nāhaṃ lābhī [lābhī assaṃ (ka.)] paṇītānaṃ cīvarānanti : iti so kupito hoti appatīto. Yo ceva kho, āvuso, kopo yo ca appaccayo : ubhayametam aṅgaṇaṃ. "Ṭhānaṃ kho panetaṃ, āvuso, vijjati yaṃ idhekaccassa bhikkhuno evaṃ icchā uppajjeyya : 'aho vata ahameva lābhī assaṃ paṇītānaṃ piṇḍapātānaṃ - pe - paṇītānaṃ senāsanānaṃ - pe - paṇītānaṃ gilānappaccayabhesajjaparikkhārānaṃ, na añño bhikkhu lābhī assa paṇītānaṃ gilānappaccayabhesajjaparikkhārānanti. Ṭhānaṃ kho panetaṃ, āvuso, vijjati yaṃ añño bhikkhu lābhī assa paṇītānaṃ gilānappaccayabhesajjaparikkhārānaṃ, na so bhikkhu lābhī assa paṇītānaṃ gilānappaccayabhesajjaparikkhārānaṃ. 'Añño bhikkhu lābhī [lābhī assa (ka.)] paṇītānaṃ gilānappaccayabhesajjaparikkhārānaṃ, nāhaṃ lābhī [lābhī assaṃ (ka.)] paṇītānaṃ gilānappaccayabhesajjaparikkhārānanti : iti so kupito hoti appatīto. Yo ceva kho, āvuso, kopo yo ca appaccayo : ubhayametam aṅgaṇaṃ. "Imesaṃ kho etaṃ, āvuso, pāpakānaṃ akusalānaṃ icchāvaccarānaṃ adhivacanaṃ, yadidaṃ aṅgaṇanti.

61. "Yassa kassaci, āvuso, bhikkhuno ime pāpakā akusalā icchāvaccarā appahīnā dissanti ceva sūyanti ca, kiñcāpi so hoti āraññiko pantasenāsano piṇḍapātiko sapaḍānacārī paṃsukūliko lūkhacīvaradharo, atha kho naṃ sabrahmacārī na ceva sakkaronti na garuṃ karonti na mānenti na pūjenti. Taṃ kissa hetu? te hi tassa āyasmato pāpakā akusalā icchāvaccarā appahīnā dissanti ceva sūyanti ca. Seyyathāpi, āvuso, kaṃsapāti ābhatā āpaṇā vā kammārakulā vā parisuddhā pariyodātā. Tameṇaṃ sāmikā ahikuṇapaṃ vā kukkurakuṇapaṃ vā manussakuṇapaṃ vā racayitvā aññissā kaṃsapātiyā paṭikujjitvā antarāpaṇaṃ paṭipajjeyyūṃ. Tameṇaṃ jano disvā evaṃ vadeyya : 'ambho, kimevidaṃ harīyati jaññaññaṃ viyāti? tameṇaṃ utṭhahitvā apāpuritvā [avāpuritvā (sī.)] olokeyya. Tassa sahadassanena amanāpatā ca saṅṭhaheyya, pāṭikulyatā [paṭikūlatā (ka.), pāṭikūlyatā (syā.)] ca saṅṭhaheyya, jegucchatā ca [jegucchitā ca (pī. ka.)] saṅṭhaheyya jighacchitānampi na bhottukamyatā assa, pageva suhitānaṃ. Evameva kho, āvuso, yassa kassaci bhikkhuno ime pāpakā akusalā icchāvaccarā appahīnā dissanti ceva sūyanti ca, kiñcāpi so hoti āraññiko pantasenāsano piṇḍapātiko sapaḍānacārī paṃsukūliko lūkhacīvaradharo, atha kho naṃ sabrahmacārī na ceva sakkaronti na garuṃ karonti na mānenti na pūjenti. Taṃ kissa hetu? te hi tassa āyasmato pāpakā akusalā icchāvaccarā appahīnā dissanti ceva sūyanti ca.

62. "Yassa kassaci, āvuso, bhikkhuno ime pāpakā akusalā icchāvacarā pahīnā dissanti ceva sūyanti ca, kiñcāpi so hoti gāmantavihārī nemantaniko gahapaticīvaradharo, atha kho naṃ sabrahmacārī sakkaronti garuṃ karonti mānenti pūjenti. Taṃ kissa hetu ? te hi tassa āyasmato pāpakā akusalā icchāvacarā pahīnā dissanti ceva sūyanti ca. Seyyathāpi, āvuso, kaṃsapāti ābhatā āpaṇā vā kammārakulā vā parisuddhā pariyodātā. Tameṇaṃ sāmikā sālīnaṃ odanaṃ vicitakāḷakaṃ [vicinitakāḷakaṃ (ka.)] anekasūpaṃ anekabyañjanaṃ racayitvā aññissā kaṃsapātiyā paṭikujjitvā antarāpaṇaṃ paṭipajjeyyūṃ. Tameṇaṃ jano disvā evaṃ vadeyya : 'ambho, kimevidaṃ harīyati jaññaññaṃ viyāti? tameṇaṃ utṭhahitvā apāpuritvā olokeyya. Tassa saha dassanena manāpatā ca saṅṭhaheyya, appāṭikulyatā ca saṅṭhaheyya, ajegucchatā ca saṅṭhaheyya suhitānampi bhottukamyatā assa, pageva jighacchitānaṃ. Evameva kho, āvuso, yassa kassaci bhikkhuno ime pāpakā akusalā icchāvacarā pahīnā dissanti ceva sūyanti ca, kiñcāpi so hoti gāmantavihārī nemantaniko gahapaticīvaradharo, atha kho naṃ sabrahmacārī sakkaronti garuṃ karonti mānenti pūjenti . Taṃ kissa hetu? te hi tassa āyasmato pāpakā akusalā icchāvacarā pahīnā dissanti ceva sūyanti cāti.

63. Evam vutte, āyasmā mahāmoggallāno āyasmantaṃ sārīputtaṃ etadavoca : "upamā maṃ, āvuso sārīputta, paṭibhātīti. "Paṭibhātu taṃ, āvuso moggallānāti. "Ekamidāhaṃ, āvuso, samayaṃ rājagahe viharāmi giribbaje. Atha khvāhaṃ, āvuso, pubbaṅhasamayaṃ nivāsetvā pattacīvaramādāya rājagahaṃ piṇḍāya pāvisiṃ. Tena kho pana samayena samīti yānakāraputto rathassa nemiṃ tacchati. Tameṇaṃ paṇḍuputto ājīvako purāṇayānakāraputto paccupaṭṭhito hoti. Atha kho, āvuso, paṇḍuputtassa ājīvakassa purāṇayānakāraputtassa evaṃ cetaso parivitaṅko udapādi : 'aho vatāyaṃ samīti yānakāraputto imissā nemiya imañca vaṅkaṃ imañca jimhaṃ imañca dosaṃ taccheyya, evāyaṃ nemi apagatavaṅkā apagatajimhā apagatadosā suddhā assa [suddhāssa (sī. pī.), suddhā (ka.)] sāre paṭiṭṭhitāti . Yathā yathā kho, āvuso, paṇḍuputtassa ājīvakassa purāṇayānakāraputtassa cetaso parivitaṅko hoti, tathā tathā samīti yānakāraputto tassā nemiya tañca vaṅkaṃ tañca jimhaṃ tañca dosaṃ tacchati. Atha kho, āvuso, paṇḍuputto ājīvako purāṇayānakāraputto attamaṇo attamaṇavācaṃ nicchāresi : 'hadayā hadayaṃ maññe aññāya tacchatīti. "Evameva kho, āvuso, ye te puggalā assaddhā, jīvikatthā na saddhā agārasmā anagāriyaṃ pabbajitā, saṭhā māyāvino ketabino [ketubhino (bahūsu)] uddhatā unnaḷā capalā mukharā vikiṇṇavācā, indriyesu aguttadvārā, bhojane amattaññuno, jāgariyaṃ ananuyuttā, sāmāññe anapekkhavanto, sikkhāya na tibbagāravā, bāhulikā sāthalikā, okkamaṇe pubbaṅgamā, paviveke nikkhattadhurā, kusītā hīnavīriyā muṭṭhassatī asampajānā asamāhitā vibbhantacittā duppañña eḷamūgā, tesam āyasmā sārīputto iminā dhammapariyāyena hadayā hadayaṃ maññe aññāya tacchati. "Ye pana te kulaputtā saddhā agārasmā anagāriyaṃ pabbajitā, asaṭhā amāyāvino aketabino anuddhatā anunnaḷā acapalā amukharā avikiṇṇavācā, indriyesu guttadvārā, bhojane

mattañño, jāgariyaṃ anuyuttā, sāmāññe apekkhavanto, sikkhāya tibbagāravā, na bāhulikā na sāthalikā, okkamane nikkhattadhurā, paviveke pubbaṅgamā, āraddhavīriyā pahitattā upaṭṭhitassatī sampajānā samāhitā ekaggacittā paññavanto aneḷamūgā, te āyasmato sārīputtassa imaṃ dhammapariyāyaṃ sutvā pivanti maññe, ghasanti maññe vacasā ceva manasā ca : 'sādhu vata, bho, sabrahmacārī akusalā vuṭṭhāpetvā kusale patitṭhāpetīti. Seyyathāpi, āvuso, itthī vā puriso vā daharo yuvā maṇḍanakajātiko sīsaṃnhāto uppalamālaṃ vā vassikamālaṃ vā atimuttakamālaṃ [adhimuttakamālaṃ (syā.)] vā labhitvā ubho hi hatthehi paṭiggahetvā uttamaṅge sirasmiṃ patitṭhāpeyya, evameva kho, āvuso, ye te kulaputtā saddhā agārasmā anagāriyaṃ pabbajitā, asaṭhā amāyāvino aketabino anuddhatā anunnaḷā acapalā amukharā avikiṇṇavācā, indriyesu guttadvārā, bhojane mattañño, jāgariyaṃ anuyuttā, sāmāññe apekkhavanto, sikkhāya tibbagāravā, na bāhulikā na sāthalikā, okkamane nikkhattadhurā, paviveke pubbaṅgamā, āraddhavīriyā pahitattā upaṭṭhitassatī sampajānā samāhitā ekaggacittā paññavanto aneḷamūgā, te āyasmato sārīputtassa imaṃ dhammapariyāyaṃ sutvā pivanti maññe, ghasanti maññe vacasā ceva manasā ca : 'sādhu vata, bho, sabrahmacārī akusalā vuṭṭhāpetvā kusale patitṭhāpetīti. Itiha te ubho mahānāgā aññaamaññaassa subhāsitaṃ samanumodimsūti.

Anaṅgaṇasuttaṃ niṭṭhitam pañcamaṃ.

5. Anaṅgaṇasuttavaṇṇanā [Atthakathā]

57. Evaṃ me sutam...pe... āyasmā sārīputtoti anaṅgaṇasuttaṃ. Tatrāyaṃ anuttānapadavaṇṇanā – yathā cettha, evaṃ sabbasuttasu. Tasmā ito paraṃ ettakampi avatvā apubbapadavaṇṇanaṃyeva karissāma.

Cattāroti gaṇanaparicchedo. **Puggalā**ti sattā narā posā. Ettāvata ca puggalavādī mahātheroti na gahetabbaṃ, ayañhi āyasmā buddhaputtānaṃ seṭṭho, so buddhassa bhagavato desanaṃ avilomentoyeva deseti.

Sammutiparamatthadesanākathāvaṇṇanā

Buddhassa bhagavato duvidhā desanā sammutidesanā, paramatthadesanā cāti. Tattha puggalo satto itthī puriso khattiyo brāhmaṇo devo māroti evarūpā **sammutidesanā**. Aniccaṃ dukkhaṃ anattā, khandhā dhātū āyatanāni satipaṭṭhānāti evarūpā **paramatthadesanā**.

Tattha bhagavā ye sammutivasena desanaṃ sutvā atthaṃ paṭivijjhitvā moham pahāya visesaṃ adhigantaṃ samatthā, tesam sammutidesanaṃ deseti. Ye pana

paramatthavasena desanam sutvā attham paṭivijjhitvā moham pahāya visesamadhigantum samatthā, tesam paramatthadesanam deseti. Tattāyaṃ upamā, yathā hi desabhāsākusalo tiṇṇam vedānam atthasamvaṇṇanako ācariyo ye damiḷabhāsāya vutte attham jānanti, tesam damiḷabhāsāya ācikkhati. Ye andhakabhāsādīsu aññatarāya, tesam tāya tāya bhāsāya. Evaṃ te māṇavakā chekam byattam ācariyamāgamma khippameva sippam uggaṇhanti. Tattha ācariyo viya buddho bhagavā. Tayo vedā viya kathetabbabhāvena ṭhitāni tīṇi piṭakāni. Desabhāsākosallamiva sammutiparamatthakosallam. Nānādesabhāsā māṇavakā viya sammutiparamatthadesanāpaṭivijjhanasamatthā veneyyasattā. Ācariyassa damiḷabhāsādiācikkhanam viya bhagavato sammutiparamatthavasena desanā veditabbā. Āha cettha –

“Duve saccāni akkhāsi, sambuddho vadatam varo;
Sammutim paramatthañca, tatiyam nūpalabbhati.
Saṅketavacanam saccam, lokasammutikāraṇā;
Paramatthavacanam saccam, dhammānam bhūtakāraṇā.
Tasmā vohārakusalassa, lokanāthassa satthuno;
Sammutim voharantassa, musāvādo na jāyati”ti.

Apica aṭṭhahi kāraṇehi bhagavā puggalakatham katheti –
hirottappadīpanattham, kammassakatādīpanattham, paccattapurisakāradīpanattham,
ānantariyadīpanattham, brahmavihāradīpanattham, pubbenivāsadīpanattham,
dakkhiṇāvisuddhidīpanattham, lokasammutiyā appahānatthañcāti.
“Khandhadhātuāyatanāni hiriyanti ottappanti”ti hi vutte mahājano na jānāti,
sammohamāpajjati, paṭisattu hoti “kimidaṃ khandhadhātuāyatanāni hiriyanti
ottappanti nāmā”ti. “Itthi hiriyati ottappati puriso khattiyo brāhmaṇo devo māro”ti
vutte pana jānāti, na sammohamāpajjati, na paṭisattu hoti. Tasmā bhagavā
hirottappadīpanattham puggalakatham katheti.

“Khandhā kammassakā dhātuyo āyatanāni”ti vuttepi eseva nayo. Tasmā
bhagavā **kammassakatādīpanattham** puggalakatham katheti.

“Veḷuvanādayo mahāvihārā khandhehi kārapitā dhātūhi āyatanehi”ti vuttepi
eseva nayo. Tasmā bhagavā **paccattapurisakāradīpanattham** puggalakatham
katheti.

“Khandhā mātaram jīvitā voropenti pitaram arahantam ruhiruppādakammaṃ
karonti, saṅghabhedakammaṃ karonti, dhātuyo āyatanāni”ti vuttepi eseva nayo.
Tasmā bhagavā **ānantariyadīpanattham** puggalakatham katheti. “Khandhā
mettāyanti dhātuyo āyatanāni”ti vuttepi eseva nayo. Tasmā bhagavā
brahmavihāradīpanattham puggalakatham katheti.

“Khandhā pubbenivāsamanussaranti dhātuyo āyatanānī”ti vuttepi eseva nayo. Tasmā bhagavā **pubbenivāsadīpanattham** puggalakatham katheti. “Khandhā dānam paṭiggaṇhanti dhātuyo āyatanānī”ti vuttepi mahājano na jānāti, sammohamāpajjati, paṭisattu hoti “kimidaṃ khandhadhātuāyatanāni paṭiggaṇhanti nāmā”ti. “Puggalā paṭiggaṇhanti sīlavanto kalyāṇadhammā”ti vutte pana jānāti, na sammohamāpajjati, na paṭisattu hoti. Tasmā bhagavā **dakkhiṇāvisuddhidīpanattham** puggalakatham katheti.

Lokasammutiṅca buddhā bhagavanto nappajahanti, lokasamaññāya lokaniruttiyaṃ lokābhilāpe tṭhitāyeva dhammaṃ desenti. Tasmā bhagavā **lokasammutiyā appahānatthampi** puggalakatham katheti. Tasmā ayampi āyasmā lokavohāra kusalatāya buddhassa bhagavato desanaṃ avilomento lokasammutiyaṃ tṭhatvāva **cattārome, āvuso, puggalāti** āha. Tasmā ettha paramatthavasena aggahetvā sammutivaseneva puggalo veditabbo.

Santo saṃvijjānāti lokasaṅketavasena atthi upalabbhamānā. **Lokasminti** sattaloke. **Sāṅgaṇova samānoti**ādīsu pana **aṅgaṇanti** katthaci kilesā vuccanti. Yathāha “tattha katamāni tīṇi aṅgaṇāni? Rāgo aṅgaṇaṃ, doso aṅgaṇaṃ, moho aṅgaṇa”nti (vibha. 924). Katthaci yaṃkiṅci malaṃ vā paṅko vā, yathāha “tasseva rajassa vā aṅgaṇassa vā pahānāya vāyamatī”ti. Katthaci tathārūpo bhūmibhāgo, so bodhiyaṅgaṇaṃ cetiyaṅgaṇantiādīnaṃ vasena veditabbo. Idha pana nānappakārā tibbakilesā “aṅgaṇa”nti adhippetā. Tathā hi vakkhati “pāpakānaṃ kho etaṃ, āvuso, akusalānaṃ icchāvacaṇānaṃ adhivacaṇaṃ, yadidaṃ aṅgaṇa”nti (ma. ni. 1.60). Saha aṅgaṇena **sāṅgaṇo**.

Sāṅgaṇova samānoti sakilesoyeva santo. **Atthi me ajjhataṃ aṅgaṇanti yathābhūtaṃ nappajānātīti** mayhaṃ attano cittasantāne kilesa atthītipi na jānāti. “Ime kilesā nāma kakkhalā vāḷā jahitabbā na gahitabbā visaduṭṭhasallasadisā”ti evaṃ yāthāvasarasatopi na jānāti. Yo atthīti ca jānāti, evaṅca jānāti. So “atthi me ajjhataṃ aṅgaṇanti yathābhūtaṃ pajānātī”ti vuccati. Yassa pana na ca maggena samūhatā kilesā, na ca uppajjanti yena vā tena vā vāritattā, ayamidha anaṅgaṇoti adhippeto. **Natthi me ajjhataṃ aṅgaṇanti yathābhūtaṃ nappajānātīti** “mayhaṃ kilesā yena vā tena vā vāritattā natthi, na maggena samūhatattā”ti na jānāti, “te uppajjamānā mahāanattaṃ karissanti kakkhalā vāḷā visaduṭṭhasallasadisā”ti evaṃ yāthāvasarasatopi na jānāti. Yo pana “iminā kāraṇena natthī”ti ca jānāti, evaṅca jānāti, so “natthi me ajjhataṃ aṅgaṇanti yathābhūtaṃ pajānātī”ti vuccati. **Tatrāti** tesu catūsu puggalesu, tesu vā dvīsu sāṅgaṇesu, **yvāyanti** yo ayaṃ, yāyantipi pāṭho.

58. Ko nu kho, āvuso, sārīputta, hetu ko paccayoti ubhayenāpi kāraṇameva pucchati. **Yenimesanti** yena hetunā yena paccayena imesaṃ dvinnāṃ eko seṭṭhapurisō eko hīnapurisoti akkhāyati, so ko hetu ko paccayoti evamettha sambandho veditabbo. Tattha kiñcāpi “nappajānāti pajānāti”ti evaṃ vuttaṃ, pajānanā nappajānanāti idameva ubhayaṃ hetu ceva paccayo ca.

59. Thero pana attano vicitraṭṭhānātāya taṃ pākāṭataraṃ katvā dassetuṃ puna **tatrāvusoti**ādīmāha. Tattha **tassetam pāṭikaṅkhanti** tassa puggalassa etaṃ pāṭikaṅkhitabbaṃ. Idameva esa pāpuṇissati, na aññanti icchitabbaṃ, avassaṃ bhāvīti vuttaṃ hoti. “Na chandaṃ janessatī”tiādīnā nayena vuttaṃ achandajananādim sandhāyāha.

Tattha ca **na chandaṃ janessatī**ti appajānanto tassa aṅgaṇassa pahānatthaṃ kattukamyatāchandaṃ na janessati. **Na vāyami**ssatīti tato balavataraṃ vāyāmaṃ na karissati, **na vīriyaṃ ārabhissatī**ti thāmagatavīriyaṃ pana neva ārabhissati, na pavattessatīti vuttaṃ hoti. **Sāṅgaṇoti** imehi rāgādīhi aṅgaṇehi sāṅgaṇo. **Samkiliṭṭhacitto**ti tehiyeva suṭṭhutaṃ kiliṭṭhacitto malīnacitto vibādhitacitto upatāpitacitto ca hutvā. **Kālaṃ karissatī**ti marissati.

Seyyathāpīti yathā nāma. **Kaṃsapātīti** kaṃsalohabhājanāṃ. **Ābhatāti** ānītā. **Āpaṇā vā kammārakulā vāti** āpaṇato vā kaṃsapātīkārakānaṃ kammārānaṃ gharato vā. **Rajenāti** āgantukarajena paṃsuādīnā. **Malenāti** tattheva utṭhitena lohamalena. **Pariyonaddhāti** sañchannā. **Na ceva paribhuñjeyyunti** udakakhādanīyapakkhipanādīhi paribhogāṃ na kareyyuṃ. **Na ca pariyodapeyyunti** dhovanaghaṃsanādīhi na parisuddhaṃ kārapēyyuṃ. **Rajāpatheti** rajapathe. Ayameva vā pāṭho, rajassa āgamaṇāṭṭhāne vā vuṭṭhānuṭṭhāne vā heṭṭhāmañce vā thusakoṭṭhake vā bhājanantare vā, yattha rajena okiriyatīti attho. **Samkiliṭṭhatarā assa malaggahitāti** ettha rajāpathe nikkhipanena samkiliṭṭhatarā, aparibhogāpariyodapanehi malaggahitatarāti vuttaṃ hoti, paṭipucchāvacaṇācetaṃ. Tenassa evamattho veditabbo, āvuso, sā kaṃsapātīti evaṃ karīyamānā aparena kālena samkiliṭṭhatarā ca malaggahitatarā ca mattikapātīti vā kaṃsapātīti vā itipi dujjānā bhavēyya nu kho noti, thero taṃ paṭijānanto āha “evamāvuso”ti. Puna dhammasenāpati opammaṃ sampaṭipādentō, **evameva khoti**ādīmāha. Tatthevaṃ opammaṃsandanaṃ veditabbā – kiliṭṭhakāṃsapātīsadiṣo sāṅgaṇo puggalo. Samkiliṭṭhakāṃsapātīyā nāparibhuñjanamādim katvā rajāpathanikkhepo viya tassa puggalassa pabbajjāṃ labhamānassa vejjakammādīsū pasutapuggalasantike pabbajjāpaṭilābho. Samkiliṭṭhakāṃsapātīyā puna samkiliṭṭhatarabhāvo viya tassa puggalassa anukkamena ācariyupajjhāyānaṃ anusikkhato vejjakammādikaraṇāṃ, ettha ṭhitassa sāṅgaṇakālakiriyā. Atha vā anukkamena dukkaṭadubbhāsītavītikkamaṇāṃ, ettha ṭhitassa sāṅgaṇakālakiriyā. Atha vā

anukkamena pācittiyathullaccayavītikkamanam, saṅghādisesavītikkamanam, pārajikavītikkamanam, mātughātādīānantariyakaraṇam, ettha t̥hitassa sāṅgaṇakālakiriyāti.

Samkiliṭṭhacitto kālam karissatīti ettha ca akusalacittena kālam karissatīti na evamattho datṭhabbo. Sabbasattā hi pakaticittena bhavaṅgacitteneva kālam karonti. Ayaṃ pana avisodhetvā cittasantānam kālam karissatīti etamattham sandhāya evaṃ vuttoti veditabbo.

Dutiyavāre **pariyodapeyyunti** dhovanaghaṃsanasaṅhachārikāparimajjanādīhi parisuddham ādāsamaṇḍalasadisaṃ kareyyuṃ. **Na ca naṃ rajāpatheti** pubbe vuttapakāre t̥hāne anikkhipitvā karaṇamañjūsādīsu vā t̥hapeyyuṃ, paliveṭhetvā vā nāgadante lageyyuṃ. Sesam vuttanayānusāreneva gahettabbam.

Upamāsaṃsandanaṃ cettha evaṃ veditabbā – kiliṭṭhakamṣapātisadiso sāṅgaṇo bhābapuggalo. Kiliṭṭhakamṣapātiyā paribhuñjanamādiṃ katvā suddhat̥hāne t̥hapanam viya tassa puggalassa pabbajjam labhamānassa pesalabhikkhūnam santike pabbajjāpaṭilābho. Ye ovadanti anusāsanti appamattakampi pamādam disvā daṇḍakammaṃ katvā punappunam sikkhāpentī, samkiliṭṭhakamṣapātiyā aparakāle parisuddhapariyodātabhāvo viya tassa puggalassa ācariyupajjhāyānam anusikkhato anukkamena sammāvattapaṭipatti, ettha t̥hitassa anaṅgaṇakālakiriyā. Atha vā anukkamena parisuddhe sīle paṭiṭṭhāya attano anurūpaṃ buddhavacanam uggaṇhitvā dhutaṅgāni samādāya attano anukūlakammaṭṭhānam gahetvā gāmantasenāsanavāsaṃ muñcitvā pantasenāsanavāso, ettha t̥hitassa anaṅgaṇakālakiriyā. Atha vā anukkamena kaṣiṇaparikkammaṃ katvā aṭṭhasamāpattinibbattanena kilesavikkhambhanam, vipassanāpādakajjhānā vuṭṭhāya vipassanāya kilesānam tadanivāraṇam, sotāpattiphalādhiḡamo...pe... arahattasacchikiriyāti ettha t̥hitassa accantaṃ anaṅgaṇakālakiriyā eva.

Tatīyavāre **subhanimittanti** rāgaṭṭhāniyaṃ iṭṭhārammaṇam. **Manasi karissatīti** tasmim vipannassati taṃ nimittaṃ āvajjissati. **Tassa subhanimittassa manasikārāti** tassa puggalassa subhanimittamanasikāraṇā. **Anuddhamṣessatīti** himṣissati adhibhavissati. Rāgo hi uppajjanto kuslavāraṃ pacchinditvā sayameva akusalajavanam hutvā tiṭṭhanto kusalacittaṃ anuddhamṣetīti veditabbo. Sesam vuttanayānusāreneva gahettabbam.

Opammasaṃsandanaṃ panettha evaṃ veditabbā – parisuddhakamṣapātisadiso pakatiyā appakilesa anaṅgaṇapuggalo. Parisuddhakamṣapātiyā nāparibhuñjanam ādiṃ katvā rajāpathe nikkhepo viya tassa puggalassa pabbajjam labhamānassāti ito param sabbam paṭhamavārasadisameva.

Catutthavāre **subhanimittam na manasi karissatī**ti tasmim sativirahābhāvato tam nimittam nāvajjissati, sesam dutiyavārānusārena veditabbam. “Ayaṃ kho, āvuso”tiādi “ko nu kho, āvuso”tiādimhi vuttanayameva.

60. Idāni tam aṅgaṇam nānappakārato pākaṭam kārāpetukāmenāyasmatā mahāmoggallānena “aṅgaṇam aṅgaṇa”ntiādinā nayena puttḥo tam byākaronto **pāpakānam kho etaṃ, āvusotiādimāha.** Tattha **icchāvacarānanti** icchāya avacarānam, icchāvasena otiṇṇānam pavattānam nānappakārānam kopaappaccayānanti attho. **Yaṃ idhekaccassāti** yena idhekaccassa evaṃ icchā uppajjeyya, tam ṭhānam tam kāraṇam vijjati atthi, upalabbhatīti vuttaṃ hoti. **Āpanno assanti** āpanno bhavēyyaṃ. **Na ca maṃ bhikkhū jāneyyunti** bhikkhū ca maṃ na jāneyyūṃ. Kiṃ panettha ṭhānam, lābhatthikatā. Lābhatthiko hi bhikkhu pakatiyāpi ca katapuñño manussehi sakkato garukato evaṃ cinteti “āpattim āpannam bhikkhum therā ñatvā majjhimānam ārocenti, te navakānam, navakā vihāre vighāsādādīnam, te ovādam āgatānam bhikkhunīnam, evaṃ kamena catasso parisā jānanti. Evamassa lābhantarāyo hoti. Aho vatāhaṃ āpattiṅca vata āpanno assaṃ, na ca maṃ bhikkhū jāneyyu”nti.

Yaṃ tam bhikkhum bhikkhū jāneyyunti yena kāraṇena tam bhikkhum aññe bhikkhū jāneyyūṃ, tam kāraṇam vijjati kho pana atthiyeva, no natthi. Therā hi ñatvā majjhimānam ārocenti. Evam so pubbe vuttanayena catūsu parisāsu pākaṭo hoti. Evam pākaṭo ca ayasābhibhūto gāmasatampi pavisitvā ummārasatesu ṭhānesu uñchitvā yathādhoteṇa pattena nikkhamati. Tato **jānanti maṃ bhikkhū āpattim āpannoti** tehi camhi evaṃ nāsitoti cintetvā, **iti so kupito hoti appatīto** so iminā kāraṇena kupito ceva hoti kodhābhibhūto appatīto ca domanassābhibhūto.

Yo ceva kho, **āvuso, kopo yo ca appaccayo ubhayametam aṅgaṇanti,** āvuso, yo cāyaṃ saṅkhārakkhandhasaṅgahito kopo, yo ca vedanākkhandhasaṅgahito appaccayo, etaṃ ubhayaṃ aṅgaṇanti evamettha attho daṭṭhabbo. Idaṅca tādīsānam puggalānam vasena vuttaṃ. Lobho pana imassa aṅgaṇassa pubbabhāgavasena, moho sampayogavasenāpi gahitoyeva hoti.

Anuraho manti purimasadisameva bhikkhum gahetvā vihārapaccante senāsanam pavesetvā dvāraṃ thaketvā codente icchati. **Ṭhānam kho panetanti** etaṃ kāraṇam vijjati, yaṃ tam bhikkhum catuparisamajjhe ānetvā byattā vinītā “tayā asukamhi nāma ṭhāne vejjakammaṃ kata”ntiādinā nayena codeyyūṃ. So catūsu parisāsu pākaṭo hoti. Evam pākaṭo ca ayasābhibhūtoti sabbam purimasadisameva.

Sappaṭipuggaloti samāno puggalo. **Samānoti** sāpattiko. **Paṭipuggaloti** codako. Ayaṃ sāpattikeneva codanaṃ icchati, tvampi imañcimañca āpattiṃ āpanno, taṃ tāva paṭikarohi pacchā maṃ codessasīti vattuṃ sakkāti maññamāno. Apica jātiādīhipi samāno puggalo sappaṭipuggalo. Ayañhi attano jātiyā kulena bāhusaccena byattatāya dhutaṅgenāti evamādīhipi samāneneva codanaṃ icchati, tādisena vuttaṃ nātidukkhaṃ hotīti maññamāno. **Appaṭipuggaloti** ettha ayutto paṭipuggalo appaṭipuggalo. Imehi āpattādīhi asadisattā paṭisattu paṭisallo codako bhavituṃ ayuttoti vuttaṃ hoti. **Iti so kupitoti** iti so imāya appaṭipuggalacodanāya evaṃ kupito hoti.

Catutthavāre **aho vatāti** “aho vata re amhākaṃ paṇḍitakā, aho vata re amhākaṃ bahussutakā tevijjakā”ti (dī. ni. 1.291) garahāyaṃ dissati. “Aho vata maṃ daharaṃyeva samānaṃ rajje abhisiñceyyu”nti (mahāva. 57) patthanāyaṃ. Idha patthanāyameva. **Paṭipucchitvā paṭipucchitvāti** punappunaṃ pucchitvā. Ayaṃ bhikkhu lābhatthiko bhagavato attānaṃ paṭipucchitabbāṃ icchati, tañca kho anumati pucchāya, no maggaṃ vā phalaṃ vā vipassanaṃ vā antaraṃ katvā. Ayañhi passati bhagavantaṃ sārīputtādayo mahāthere “taṃ kiṃ maññasi, sārīputta, moggallāna, kassapa, rāhula cakkhuṃ niccaṃ vā aniccaṃ vā”ti evaṃ parisamajjhe paṭipucchitvā paṭipucchitvā dhammaṃ desentaṃ, manusse ca “tesa paṇḍitā therā satthu cittaṃ ārādhentī”ti vaṇṇaṃ bhaṇante, lābhasakkārañca upaharante. Tasmā taṃ lābhasakkāraṃ icchanta evaṃ cintevā nikhaṇitvā ṭhapitakhāṇu viya bhagavato puratova hoti.

Iti so kupitoti atha bhagavā taṃ amanasikarivāva aññaṃ therāṃ paṭipucchitvā dhammaṃ deseti, tena so kupito hoti bhagavato ca therassa ca. Kathaṃ bhagavato kuppāti? “Ahaṃ pabbajitakālato pabhuti gandhakuṭīpariveṇato bahinikkhamaṇaṃ na jānāmi, sabbakālaṃ chāyāva na vijahāmi, maṃ nāma pucchitvā dhammadesanāṃmattampi natthi. Taṃmuhuttaṃ ditṭhamattakameva therāṃ pucchitvā dhammaṃ deseti”ti evaṃ bhagavato kuppāti. Kathaṃ therassa kuppāti? “Ayaṃ mahallakatthero bhagavato purato khāṇu viya nisīdati, kadā nu kho imaṃ dhammakammikā abhabbatthānaṃ pāpetvā nīharissanti, ayañhi yadi imasmim vihāre na bhavēyya, avassaṃ bhagavā mayā saddhiṃ sallapeyyā”ti evaṃ therassa kuppāti.

Purakkhatvā purakkhatvāti purato purato katvā, samparivāretvāti vuttaṃ hoti. Ayampi lābhatthikoyeva, ayañhi passati bahussute bhikkhū mahāparivārena gāmaṃ pavisante, cetiyaṃ vandante, tesañca taṃ sampattiṃ disvā upāsake pasanne pasannākāraṃ karonte. Tasmā evaṃ icchati. **Kupitoti** ayampi dvīsu ṭhānesu kuppāti bhikkhūnaṃ therassa ca. Kathaṃ bhikkhūnaṃ? “Ime yadeva mayhaṃ uppajjati cīvaraṃ vā piṇḍapāto vā, taṃ gahetvā paribhuñjanti, mayhaṃ pana pattacīvaraṃ

gahetvā piṭṭhito āgacchantopi natthī”ti evaṃ bhikkhūnaṃ kuppati. Kathaṃ therassa? “Eso mahallakatthero tesu tesu ṭhānesu sayameva paññāyati, kudāssu nāma naṃ dhammakammikā nikkadḍhissanti, imasmim asati avassaṃ maṃyeva parivāressanti”ti.

Bhattaggeti bhojanatṭhāne. **Aggāsananti** saṅghattherāsanāṃ. **Aggodakanti** dakkhiṇodakāṃ. **Aggapiṇḍanti** saṅghattherapiṇḍaṃ. Sabbattha vā **agganti** paṇītādhivacanametāṃ. Tattha **ahameva labheyyanti** icchā nātimahāsāvajjā. **Na añño bhikkhu labheyyāti** pana atimahāsāvajjā. Ayampi lābhatthiko pāsādiko hoti cīvaradhāraṇādīhi, kadāci pabbajati, kadāci vibbhamati. Tena so pubbe laddhapubbaṃ āsanādiṃ pacchā alabhanto evaṃ cintesi. **Na so bhikkhu labheyyāti** na so bhikkhu therānaṃ aggāsanādīsū tadanusārena majjhimānaṃ aññesaṅca navānaṃ kadāci yaṃ vā taṃ vā sabbanihīnaṃ āsanādiṃ labhati. **Kupitoti** ayampi dvīsū ṭhānesu kuppati manussānaṅca therānaṅca. Kathaṃ manussānaṃ? “Ime maṅgalādīsū maṃ nissāya bhikkhū labhanti, ete, ‘bhante, ettake bhikkhū gahetvā amhākaṃ anukampaṃ karoṭhā’ti vadanti, idāni taṃmuhuttaṃ diṭṭhamattakaṃ mahallakattheraṃ gahetvā gatā, hotu idāni, nesāṃ kicce uppanne jānissāmi”ti evaṃ manussānaṃ kuppati. Kathaṃ therānaṃ? “Ime nāma yadi na bhaveyyuṃ, maṃyeva manussā nimanteyyu”nti evaṃ therānaṃ kuppati.

Anumodeyyanti anumodanaṃ kareyyaṃ. Ayampi lābhatthiko yaṃ vā taṃ vā khaṇḍānumodanaṃ jānāti, “so anumodanatṭhāne bahū mātugāmā āgacchanti, tā maṃ sañjānitvā tato pabhuti thālakabhikkhaṃ dassanti”ti patthento evaṃ cintesi. **Ṭhānanti** bahussutānaṃ anumodanā bhāro, tena bahussuto anumodeyyāti vuttam hoti. **Kupitoti** ayampi tīsū ṭhānesu kuppati manussānaṃ therassa dhammakathikassa ca. Kathaṃ manussānaṃ? “Ime pubbe maṃyeva upasaṅkamitvā yācanti ‘amhākaṃ nāgatthero amhākaṃ sumanatthero anumodatū’ti, ajja pana nāvocu”nti evaṃ manussānaṃ kuppati. Kathaṃ therassa? “Ayaṃ saṅghatthero ‘tumhākaṃ kulupakaṃ nāgattheraṃ sumanattheraṃ upasaṅkamatha, ayaṃ anumodissati’ti na bhaṇati”ti evaṃ therassa kuppati. Kathaṃ dhammakathikassa? “Therena vuttamatteyeva pahāraṃ laddhakukkuṭo viya turitaturitaṃ vassati, imaṃ nāma nikkadḍhantā natthi, imasmiṅhi asati ahameva anumodeyya”nti evaṃ dhammakathikassa kuppati.

Ārāmagatānanti vihāre sannipatitānaṃ. Ayampi lābhatthiko yaṃ vā taṃ vā khaṇḍadhammakathaṃ jānāti, so passati tādisesu ṭhānesu dviyojanatiyojanato sannipatitvā bhikkhū sabbarattikāni dhammassavanāni suṇante, tuṭṭhacitte ca dahare vā sāmaṇere vā sādhu sādhuṭi mahāsaddena sādhuḱāraṃ dente, tato dutiyadivase antogāmagate bhikkhū upāsakā pucchanti “ke, bhante, dhammaṃ kathesu”nti. Te bhaṇanti “asuko ca asuko cā”ti. Taṃ sutvā pasannā manussā dhammakathikānaṃ mahāsakkāraṃ karonti. So taṃ icchamāno evaṃ cintesi. **Ṭhānanti** bahussutānaṃ

vinicchayakusalānaṃ dhammadesanā bhāro, tena bahussuto deseyyāti vuttaṃ hoti. **Kupitoti** catuppadikaṃ gāthampi vattuṃ okāsaṃ alabhamāno kupito hoti attano mandabhāvassa “ahañhi mando duppañño kuto labhissāmi desetu”nti.

Bhikkhunīnanti ovādatthaṃ vā uddesatthaṃ vā paripucchatthaṃ vā pūjākaraṇatthaṃ vā ārāmaṃ āgantvā sannipatitabhikkhunīnaṃ. Ayampi lābhatthiko, tassevaṃ hoti imā mahākulā pabbajitā bhikkhuniyo, tāsu kulesu pavisetvā nisinnāsu manussā pucchissanti “kassa santike ovādaṃ vā uddesaṃ vā paripucchaṃ vā gaṇhathā”ti. Tato vakkhanti “asuko nāma ayyo bahussuto, tassa detha karoṭhā”ti, tenassa evaṃ icchā uppajjati. **Ṭhānanti** ovādādayo nāma bahussutānaṃ bhāro, tena bahussuto deseyyāti vuttaṃ hoti. **Kupitoti** ayampi dvīsu ṭhānesu kuppatti, tāsāṅca bhikkhunīnaṃ “imā pubbe maṃ nissāya uposathappavāraṇādīni labhanti, tā idāni taṃmuhuttaṃ diṭṭhamattakamahallakattherassa santikaṃ gatā”ti. Dhammakathikassa ca “esa imāsaṃ sahasā ovādaṃ adāsiyevā”ti.

Upāsakānanti, ārāmagatānaṃ upāsakānaṃ. Nissatṭhakammantā nāma mahāupāsakā honti, te puttabhātukānaṃ kammaṃ niyyātetvā dhammaṃ suṇantā vicaranti, ayaṃ tesam desetuṃ icchati, kiṃ kāraṇā? Ime pasīditvā upāsikānampi ārocessanti, tato saddhiṃ upāsikāhi mayhameva lābhasakkāraṃ upaharissantīti. Ṭhānaṃ bahussuteneva yojetabbaṃ. **Kupitoti** ayampi dvīsu ṭhānesu kuppatti, upāsakānaṅca “ime aññattha suṇanti, amhākaṃ kulupakassa santike suṇāmāti nāgacchanti, hotu idāni, tesam uppanne kicce jānissāmī”ti dhammakathikassa ca, “ayametesam desetī”ti.

Upāsikānanti ārāmagatānaṃ. **Upāsikā** nāma āsanapūjādikaraṇatthaṃ vā uposathadivase vā dhammassavanatthaṃ sannipatitā. Sesam upāsakavāre vuttanayameva.

Sakkareyyunti sakkaccaṅca kareyyuṃ, sundaraṅca kareyyuṃ. Iminā attani kāraṃ karīyamānaṃ sakkaccaṃ kataṅca sundaraṅca pattheti. **Garuṃ kareyyunti** bhāriyaṃ kareyyuṃ. Iminā bhikkhūhi attānaṃ garuṭṭhāne ṭhapīyamānaṃ pattheti. **Māneyyunti** piyāyeyyuṃ. **Pūjeyyunti** evaṃ sakkarontā garuṃ karontā mānentā paccayehi pūjeyyunti paccayapūjaṃ pattheti. **Ṭhānanti** “piyo garu bhāvaniyo”ti vuttappakāro bahussuto ca sīlavā ca etaṃ vidhiṃ arahati tena bhikkhū evarūpaṃ evaṃ kareyyunti vuttaṃ hoti. **Kupitoti** ayampi dvīsu ṭhānesu kuppatti bhikkhūnaṅca “ime etaṃ sakkarontī”ti therassa ca “imasmim asati maṃyeva sakkareyyu”nti. Esa nayo ito paresu tīsu vāresu.

Paṇītānaṃ **cīvarānanti** paṭṭadukūlapaṭṭuṇṇakoseyyādīnaṃ mahagghasukhumasukhasamphassānaṃ cīvarānaṃ. Idhāpi **ahameva lābhī assanti** icchā nātimahāsāvajjā. **Na añño bhikkhu lābhī assati** pana mahāsāvajjā.

Paṇītānaṃ **piṇḍapātānanti** sappitelamadhusakkarādipūritānaṃ seṭṭhapiṇḍapātānaṃ. **Paṇītānaṃ senāsanānanti** anekasatasahassagghanakānaṃ mañcapīṭhādīnaṃ paṇītānaṃ. **Gilānappaccayabhesajjaparikkhārānanti** sappitelamadhuphāṇitādīnaṃ uttamabhesajjānaṃ. Sabbatthāpi ṭhānaṃ bahussutehi puññavantehi ca yojetabbaṃ. **Kupitoti** sabbatthāpi dvīsu ṭhānesu kuppāti, manussānañca “imesaṃ nāma paricitabhāvopi natthi, dīgharattaṃ ekato vasantassa paṃsukūlatthāya vā piṇḍapātathāya vā sappitelādikāraṇā vā gharapaṭipāṭiyā carantassāpi me ekadivasampi kiñci paṇītaṃ paccayaṃ na denti. Āgantukam mahallakaṃ pana disvāva yaṃ icchati, taṃ denti”’ti, therassa ca “ayampi mahallako imesaṃ attānaṃ dassentoyeva carati, kudāssu nāma naṃ dhammakammikā nikkadḍheyyuṃ, evaṃ imasmiṃ asati ahameva lābhī assa”’nti.

Imesaṃ kho, etaṃ āvusoti imesaṃ heṭṭhā ekūnavīsativārehi vuttānaṃ icchāvacarānaṃ.

61. Dissanti ceva sūyanti cāti na icchāvacarā cakkhunā dissanti, na sotena sūyanti, manoviññānavisayattā. Appahīnaicchāvacarassa pana puggalassa icchāvacaravasena pavattakāyakkammaṃ disvā diṭṭhā viya vacīkammaṃ sutvā sutā viya ca honti, tena vuttaṃ “dissanti ceva sūyanti cā”’ti. Paccakkhakāle dissanti, “asuko kira bhikkhu īdiso”’ti tirokkhakāle sūyanti. **Kiñcāpīti** anuggahagarahavacanaṃ. Tena āraññikattaṃ anuggaṇhāti, icchāvacarānaṃ appahānaṃ garahati.

Tatrāyaṃ yojanā, kiñcāpi so bhikkhu gāmantasenāsaṇaṃ paṭikkhipitvā āraññiko hoti, ante pantasenāsane vasati, ime cassa ettakā icchāvacarā appahīnā. Kiñcāpi so atirekalābhaṃ paṭikkhipitvā piṇḍapātiko hoti. Kiñcāpi so loluppacāraṃ vajjetvā sapadānacārī hoti. Kiñcāpi so gahapaticīvaraṃ paṭikkhipitvā paṃsukūliko hoti.

Lūkhacīvaradharoti ettha pana **lūkhanti** satthalūkhaṃ suttalūkhaṃ rajanalūkhanti tīhi kāraṇehi lūkhaṃ veditabbaṃ. Tattha satthena khaṇḍākhāṇḍikam chinnaṃ **satthalūkhaṃ** nāma, taṃ agghena parihāyati, thūladīghasuttakena sibbitaṃ **suttalūkhaṃ** nāma, taṃ phassena parihāyati kharasamphassaṃ hoti. Rajanena rattaṃ **rajanalūkhaṃ** nāma, taṃ vaṇṇena parihāyati dubbaṇṇaṃ hoti. Kiñcāpi so bhikkhu evaṃ satthalūkhasuttalūkharajanalūkhacīvaradharo hoti, ime cassa ettakā icchāvacarā appahīnā dissanti ceva sūyanti ca, atha kho naṃ viññū

sabrahmacārī neva sakkaronti...pe... na pūjentīti. **Taṃ kissa hetūti** ettha tanti nipātamattaṃ, **kissa hetūti** kiṃ kāraṇā. **Te hi tassa...pe... sūyanti** ca yasmā tassa te pāpakā sūyanti cāti vuttaṃ hoti. Imesaṃ icchāvacarānaṃ appahīnattāti ayamettha adhippāyo.

Idāni tamatthaṃ upamāya pākaṭaṃ karonto **seyyathāpīti**ādīmāha. Tattha **kuṇapanti** matakaḷevaram. Ahissa kuṇapaṃ **ahikuṇapaṃ**. Evaṃ itarāni. Atipaṭikūlajigucchānīyabhāvato cettha imāneva tīṇi vuttānīti veditabbāni. Aññesañhi sasasūkarādīnaṃ kuṇapaṃ manussā kaṭukabhaṇḍādīhi abhisankharitvā paribhuñjanti. Imesaṃ pana kuṇapaṃ abhinavampi jigucchantiyeva, ko pana vādo kālātikkamena pūtibhūte. **Racayitvāti** vadḍhetvā, paripūretvāti attho, kuṇapaṃ gahetvā kaṃsapātiyaṃ pakkhipitvāti vuttaṃ hoti. **Aññissāti** aparāya. **Paṭikujjitvāti** pidahitvā. **Antarāpaṇanti** āpaṇānamantare mahājanasaṃkiṇṇaṃ racchāmukhaṃ. **Paṭipajjeyyunti** gaccheyyūṃ. **Jaññañaṃ viyāti** cakkhacakkhaṃ viya manāpamanāpaṃ viya. Apica vadhukāpaṇṇākāraṃ viyāti vuttaṃ hoti. **Vadhukāti** janetti vuccati, tassā nīyamānaṃ paṇṇākāraṃ jaññaṃ, ubhayatthāpi ādaravasena vā pasamsāvasena vā punaruttaṃ. “Jaññañaṃ byā”tipi pāṭho.

Apāpuritvāti vivaritvā. **Tassa saha dassanena amanāpatā ca saṅghaheyyāti** tassa kuṇapassa dassanena saheva tassa janassa amanāpatā tiṭṭheyya. **Amanāpatāti** ca “amanāpamida”nti uppannacittacetāsikānametaṃ adhivacanāṃ. Esa nayo **paṭikulyajegucchatāsu**. **Jighacchitānampīti** chātānampi. **Na bhottukamyatā assāti** bhuñjitukāmatā na bhavēyya. **Pageva suhitānanti** dhātānaṃ pana paṭhamataramēva bhuñjitukāmatā na bhavēyyāti vuttaṃ hoti.

Tatrāyaṃ upamāsamsandanā – parisuddhakāṃsapātisadisāṃ imassa pabbajjālīṅgaṃ, kuṇaparacanaṃ viya icchāvacarānaṃ appahānaṃ, aparakāṃsapātiyā paṭikujjanaṃ viya āraññikaṅgādīhi icchāvacarappaṭicchādanaṃ, kāṃsapātiṃ vivaritvā kuṇapadassanena janassa amanāpatā viya āraññikaṅgādīni anādiyitvā icchāvacaradassanena sabrahmacārīnaṃ asakkāraṇādītāti.

62. Sukkapakkhe pana, **kiñcāpīti** anuggahapasamsāvacaṇaṃ, tena āraññikattaṃ anuggaṇhāti, icchāvacarappahānaṃ pasamsati. **Nemantanikoti** nimantanapaṭiggāhako. **Vicitakālakanti** vicinitvā apanītakālakāṃ. **Anekasūpaṃ anekabyañjananti** ettha **sūpo** nāma hatthahāriyo vuccati. **Byañjananti** uttaribhaṅgaṃ, tena macchamaṃsamuggasūpādīhi anekasūpaṃ, nānappakāramāṃsādibyañjanehi anekabyañjananti vuttaṃ hoti. Sesāṃ vuttanayeneva veditabbāṃ.

Upamāsaṃsandane ca sālivarabhattacharacanaṃ viya icchāvaccarappahānaṃ, aparakaṃsapātiyā paṭikujjhaṇaṃ viya appicchatāsamuttāhānehi gāmantavihārādīhi icchāvaccarappahānappaṭicchādaṃ, kaṃsapātiṃ vivarivā sālivarabhattachadassanena janassa manāpatā viya gāmantavihārādīni anādiyivā icchāvaccarappahānadassanena sabrahmacārīnaṃ sakkāraṇādītā veditabbā.

63. Upamā maṃ, āvuso sārīputta, paṭibhātī mayhaṃ, āvuso sārīputta, upamā upatthāti. Ekaṃ upamaṃ vattukāmo ahanti adhippāyo. **Paṭibhātu tanti** tuyhaṃ paṭibhātu upatthātu, vada tvanti adhippāyo. **Ekamidāhanti** ettha **idāti** nipātamattaṃ, ekasmiṃ samaye ahanti vuttaṃ hoti, bhummatthe upayogavacanaṃ. **Rājagahe viharāmi giribbajeti, rājagahanti** tassa nagarassa nāmaṃ. Samantato pana giriparikkhepena vajo viya saṅghitattā **giribbajanti** vuccati. Tasmīṃ nagare viharāmi, taṃ nissāya ahaṃ viharāmīti vuttaṃ hoti. **Atha khvāhanti** atha kho ahaṃ. Ettha ca **athāti** aññādhikāravacanārambhe nipāto. **Khoti** padapūraṇamatte. **Pubbaṇhasamayanti** divasassa pubbaṇhasamayāṃ. Pubbaṇhasamayeti attho, pubbaṇhe vā samayaṃ pubbaṇhasamayāṃ, pubbaṇhe ekaṃ khaṇanti vuttaṃ hoti, evaṃ accantasamyoge upayogavacanaṃ labbhati. **Nivāsetvāti** paridahitvā, viharānivāsanaparivattanavasenaṃ veditabbāṃ. Gāmapavesanattāya vā saṅghapetvā nivāsanavasena, na hi so tato pubbe anivatto ahoṣi.

Pattacīvaramādāyāti pattaṃ hatthena cīvaraṃ kāyena ādiyivā. **Piṇḍāyāti** piṇḍapātattāya. **Samītīti** tassa nāmaṃ. **Yānakāraputtoti** rathakāraputto. **Paṇḍuputtoti** paṇḍussa putto. **Ājīvakoti** naggasamaṇako. **Purāṇayānakāraputtoti** porāṇayānakārakulassa putto. **Paccupaṭṭhitoti** upagantvā ṭhito. **Vaṅkaṃ** nāma ekato kuṭilaṃ. **Jimhaṃ** nāma sappagatamaggasadiṣaṃ. **Dosanti** phegguvisamagaṅghikādi. **Yathā yathāti** kālatthe nipāto, yadā yadā yasmīṃ tasmīṃ kāleti vuttaṃ hoti. **Tathā tathāti** ayampi kālatthoyeva, tasmīṃ tasmīṃ kāleti vuttaṃ hoti. So attano suttānulomena cintesi, itaro tena cintitakkhaṇe cintitattāhānameva tacchati. **Attamanoti** sakamanaṃ tuṭṭhamano pītisomanassehi gahitamano. **Attamanavācaṃ nicchāresīti** attamanatāya vācaṃ, attamanabhāvassa vā yuttaṃ vācaṃ nicchāresi udīrayi, pabyāharīti vuttaṃ hoti. **Hadayā hadayaṃ maññe aññāyāti** cittena cittaṃ jānitvā viya.

Assaddhāti buddhadhammasaṅghesu saddhāviraṇhitā. **Jīvikatthāti** iṇabhayādīhi pīlītā bahi jīvitum asakkontā idha jīvikatthikā hutvā. **Na saddhāti** na saddhāya. **Saṅghā māyāvinoti** māyāsāṅghyeyhi yuttā. **Ketabinoti** sikkhitakerāṭikā, nipphannathāmagatasāṅghyeyyāti vuttaṃ hoti. Sāṅghyeyyāñhi abhūtaguṇadassanato abhūtabhaṇḍaguṇadassanasamaṃ katvā “kerāṭiya”nti vuccati. **Unnaḷāti** uggatanaḷā, utthitacucchamānāti vuttaṃ hoti. **Capalāti** pattacīvaramaṇḍanādīnā cāpallena yuttā. **Mukharāti** mukhakharā, kharavacanāti vuttaṃ hoti, **vikīṇṇavācāti**

asaṃyatavacanā, divasampi niratthakavacanappalāpino. **Indriyesu aguttadvārāti** chasu indriyesu asaṃvutakammadvārā. **Bhojane amattaññunoti** bhojane yā mattā jānitabbā pariyesanapaṭiggahaṇaparibhogesu yuttatā, tassā ajānanakā. **Jāgariyaṃ ananuyuttāti** jāgare ananuyuttā. **Sāmaññe anapekkhavantoti** samaṇadhamme nirapekkhā, dhammānudhammappaṭipattirahitāti attho. **Sikkhāya na tibbagāravāti** sikkhāpadesu bahulagāravā na honti, āpattivītikkamabahulā vā. **Bāhulikātiādi** dhammadāyāde vuttaṃ, **kusītiādi** bhayabherave. **Dhammapariyāyenāti** dhammadesanāya.

Saddhā agārasmāti pakatiyāpi saddhā, pabbajitāpi saddhāya agārasmā anagāriyaṃ pabbajitā. **Pivanti maññe ghasanti maññeti** pivanti viya ghasanti viya. Attamanavācaṃ nicchārentā vacasā pivanti viya, abbhānumodantā manasā ghasanti viya. **Sādhu vatāti** sundaraṃ vata. **Sabrahmacārīti** rassampi vaṭṭati dīghampi. Rasse sati sārīputtassa upari hoti, dīghe sati sabrahmacārīnaṃ. Yadā sārīputtassa upari hoti, tadā sabrahmacārī sārīputto amhe akusalā vuṭṭhāpetvāti attho. Yadā sabrahmacārīnaṃ, tadā sabrahmacārāyo akusalā vuṭṭhāpetvāti attho. **Daharoti** taruṇo. **Yuvāti** yobbanabhāve ṭhito. **Maṇḍanakajātikoti** alaṅkārakasabhāvo. Tattha koci taruṇopi yuvā na hoti yathā atitaruṇo, koci yuvāpi maṇḍanakajātiko na hoti yathā upasantasabhāvo, ālasiyabyasanādīhi vā abhibhūto, idha pana daharo ceva yuvā ca maṇḍanakajātiko ca adhippeto, tasmā evamaḥa. **Uppalādīni** lokasammatattā vuttāni. **Itiha teti** evaṃ te. **Ubho mahānāgāti** dvepi mahānāgā, dvepi hi ete aggasāvaka “mahānāgā”ti vuccanti. Tatrāyaṃ vacanatto, chandādīhi na gacchantīti **nāgā**, tena tena maggena pahīne kilese na āgacchantīti **nāgā**, nānappakārakaṃ āguṃ na karontīti **nāgā**, ayamettha saṅkhepo. Vitthāro pana mahānidde (mahāni. 80) vuttanayeneva veditabbo. Apica –

“Āguṃ na karoti kiñci loke,
Sabbasaṃyoge visajja bandhanāni;
Sabbattha na sajjatī vimutto,
Nāgo tādi pavuccate tathattā”ti. (su. ni. 527; mahāni. 80);

Evamettha attho veditabbo. Mahantā nāgā **mahānāgā**, aññehi khīṇāsavanāgehi pujjatarā ca pāsamsatarā cāti attho. **Aññamaññassāti** añño aññassa. **Samanumodimsūti** samaṃ anumodimsu. Tattha imāya upamāya mahāmoggallāno anumodi, paṭibhātu taṃ āvusoti dhammasenāpati. Tena vuttaṃ “aññamaññassa subhāsitaṃ samanumodimsū”ti.

Sammutiparamatthadesanākathāvaṇṇanā niṭṭhitā.
Papañcasūdaniyā majjhimanikāyaṭṭhakathāya
Anaṅgaṇasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.